

Số: 199/CTN  
Về việc công bố thông tin báo cáo  
thường niên năm 2017

Trà Vinh, ngày 20 tháng 04 năm 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán nhà nước.
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Trà Vinh

Trụ sở chính: 521B Nguyễn Chí Thanh, Phường 6, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Điện thoại liên hệ: 0294.3840215

Fax: 0294.3850656

E-mail: trawacotv@gmail.com

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Văn Quý

Địa chỉ: 33/76, ấp Dầu Bờ, xã Hòa Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0913730545 Fax:

Loại thông tin công bố  24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ.

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2017.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn: trawaco.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Website Công ty;
- Lưu: VT.

**THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**Người đại diện theo pháp luật**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



**Nguyễn Văn Quý**



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH**

Địa chỉ: Số 521B Nguyễn Chí Thanh, Phường 6, TP Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh

Số điện thoại: (0294) 384 0215

Số fax: (0294) 385 0656

Website: [www.trawaco.com.vn](http://www.trawaco.com.vn)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH**



***BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN***

**2017**

# MỤC LỤC

## THÔNG TIN CHUNG



Thông tin khái quát

Quá trình hình thành & phát triển

Ngành nghề & địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức

Định hướng phát triển

Các rủi ro

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức & nhân sự

Tình hình đầu tư & thực hiện dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông

Báo cáo phát triển bền vững

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến trong năm

Kế hoạch phát triển

Về việc thực hiện trách nhiệm với môi trường & xã hội



## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Về các mặt hoạt động của Công ty  
Về Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc  
Kế hoạch & định hướng



## QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị  
Ban kiểm soát  
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích



## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán  
Báo cáo tài chính kiểm toán





# THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành & phát triển

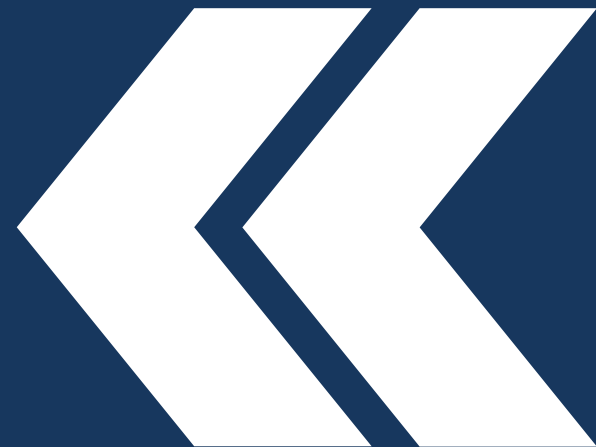
Những thành tích đạt được trong quá trình hoạt động

Ngành nghề & địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức

Định hướng phát triển

Các rủi ro









## THÔNG TIN KHAI QUÁT

### CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH

<b>Giấy chứng nhận ĐKDN</b>	Số 2100119570 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp lần đầu ngày 28/12/2010 thay đổi lần thứ 01 ngày 07 tháng 12 năm 2016
<b>Vốn điều lệ</b>	145.978.600.000 đồng
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	145.978.600.000 đồng
<b>Địa chỉ</b>	Số 521B Nguyễn Chí Thanh, Phường 6, TP Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh
<b>Số điện thoại</b>	(0294) 384 0215
<b>Số fax</b>	(0294) 385 0656
<b>Website</b>	<a href="http://www.trawaco.com.vn">www.trawaco.com.vn</a>
<b>Mã cổ phiếu</b>	TRAWACO

## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



Thời gian	Nội dung
1992	Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh được hình thành tách ra từ Công ty cấp nước Cửu Long cũ từ tháng 5 năm 1992
1993	Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành quyết định số 97/QĐ-UBT ngày 17 tháng 03 năm 1993 về việc thành lập doanh nghiệp nhà nước với tên gọi Công ty Công trình Đô thị Trà Vinh.
1995	Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành quyết định số 318/QĐ-UBT ngày 03 tháng 05 năm 1995 về việc đổi tên Công ty Công trình Đô thị Trà Vinh thành Công ty Cấp thoát nước Trà Vinh, là doanh nghiệp nhà nước hạng II, trực thuộc Sở Xây dựng tỉnh Trà Vinh.
1996	Tháng 12 Năm 1996 công ty đưa vào sử dụng trạm cấp nước thị trấn Mỹ Long huyện Cầu Ngang do Công ty đầu tư xây dựng công suất thiết kế 700 m <sup>3</sup> /ngày đêm. Thực hiện Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt Dự án khả thi nâng cấp nhà máy nước Trà Vinh công suất 7.000m <sup>3</sup> /ngày đêm lên 14.000 đến 18.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm, bằng nguồn vốn viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Ôc và vốn đối ứng ngân sách.
1998	Tháng 10 năm 1998 Công ty khánh thành đưa Nhà máy cấp nước thành phố Trà Vinh vào sử dụng cấp nước cho TP Trà Vinh, thị trấn Châu Thành và vùng ven thành phố Trà Vinh thuộc huyện Châu Thành
2002	Công ty đưa vào sử dụng Trạm cấp nước thị trấn Tiểu Cần huyện Tiểu Cần công suất 1.200m <sup>3</sup> /ngày đêm bằng nguồn vốn OECF viện trợ Chính phủ Nhật Bản vốn và đối ứng ngân sách





Thời gian	Nội dung
2004	Công ty đưa vào sử dụng trạm cấp nước thị trấn Cầu Quan huyện Tiểu Cần và Trạm cấp nước thị trấn Cầu Kè huyện Cầu Kè công suất mỗi trạm 720m <sup>3</sup> /ngày đêm bằng nguồn vốn JBIC Nhật Bản vốn và đối ứng ngân sách.
2008	Công ty tiếp nhận bộ phận thoát nước từ Công ty Công trình Đô thị về Công ty
2010	Tháng 12 năm 2010 thực hiện Quyết định số: 2248 /QĐ – UBND ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Trà Vinh, về việc phê duyệt đề án chuyển đổi Công ty Cấp thoát nước Trà Vinh thành Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011
2011	Quyết định số 2248/QĐ-UBND ngày 22/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh, về việc phê duyệt đề án chuyển đổi Công ty Cấp thoát nước Trà Vinh thành Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước Trà Vinh.
2014 - 2015	Thực hiện Quyết định số Quyết định số 636/QĐ-UBND về việc CPH Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Trà Vinh của UBND tỉnh Trà Vinh ngày 13 tháng 5 năm 2014 và Quyết định số 2373/QĐ-UBND ngày 21/12/2015 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt phương án CPH Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Trà Vinh. Ngày 07/12/2016 Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh chính thức trở thành Công ty cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh.
2016	Ngày 07/12/2016 Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh chính thức trở thành Công ty cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh

## NHỮNG THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG

Hơn 25 năm thành lập và phát triển, Công ty đạt được rất nhiều thành công trên nhiều lĩnh vực sản xuất kinh doanh được Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị, xã hội và các doanh nghiệp trong và ngoài nước tín nhiệm cao, nhận được nhiều giải thưởng, thành tích xuất sắc trong kinh doanh như:

- Hai năm liền UBND tỉnh tặng Cờ đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua năm 2011, năm 2012.
- Bằng khen của Bộ Tài chính, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Trà Vinh tặng Danh hiệu tập thể lao động xuất sắc.
- BCH Trung ương Hội Cấp thoát nước Việt Nam tặng Bằng khen đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ SXKD và chăm lo đời sống CNVC năm 2012.



## NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

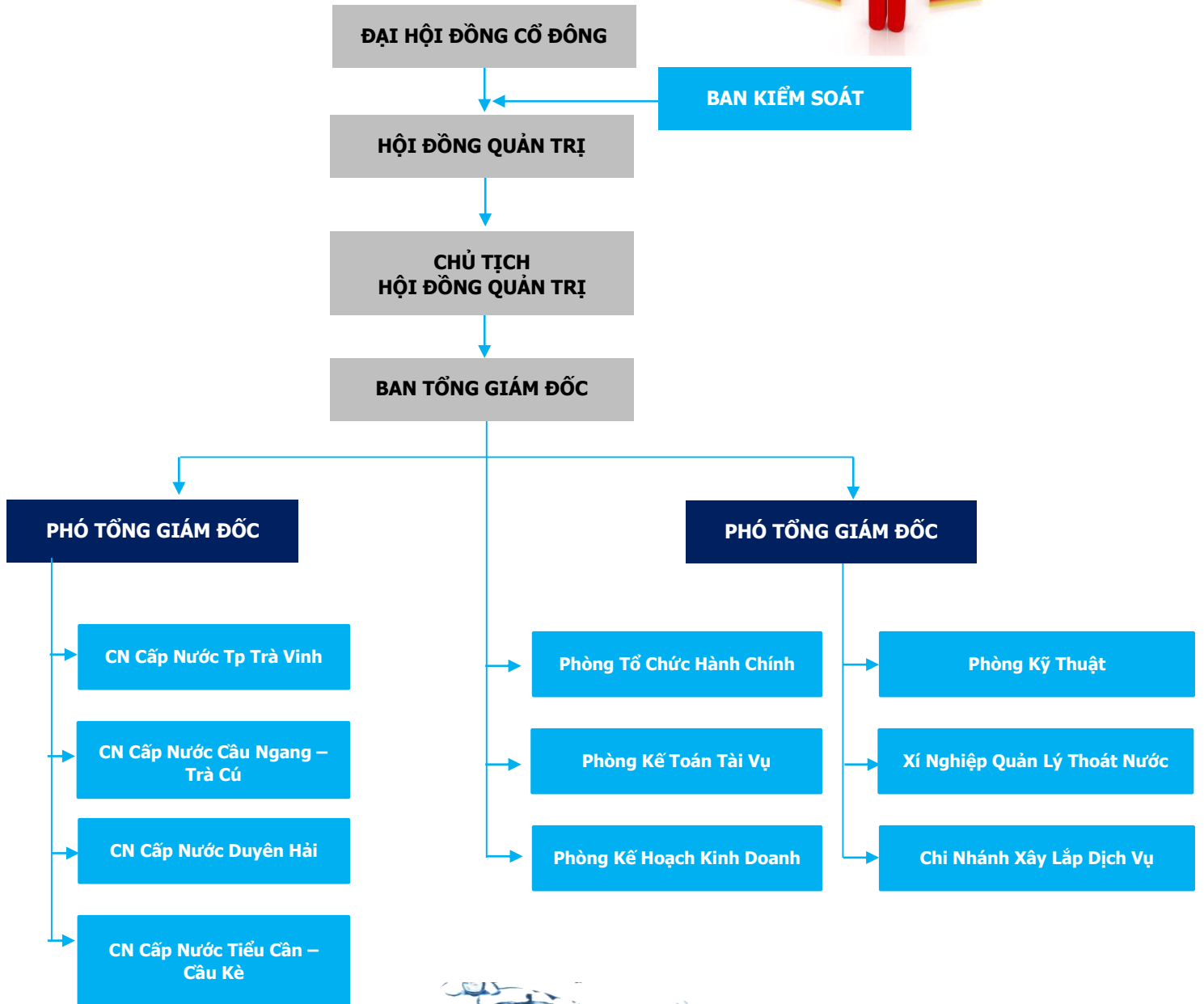
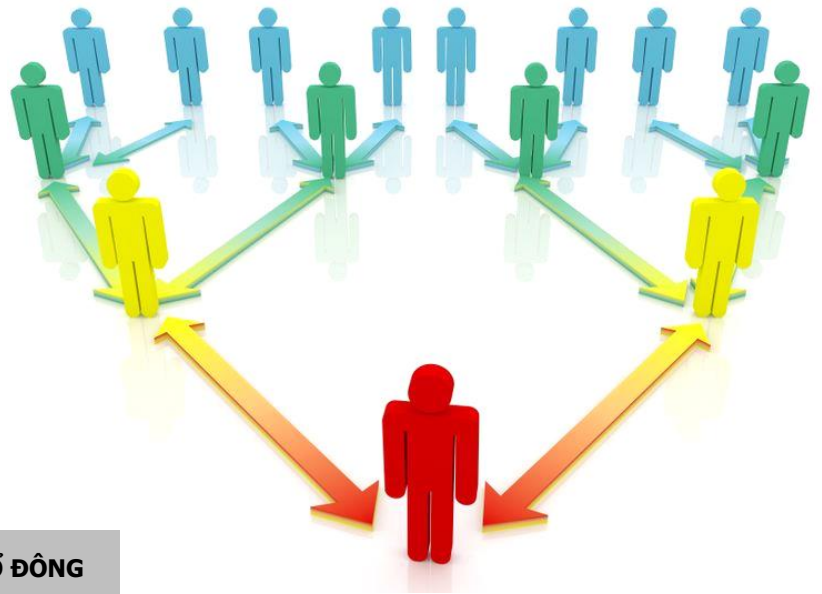
### Địa bàn hoạt động

Trụ sở chính Công ty đặt số 521B Nguyễn Chí Thanh, Phường 6, TP Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh. Trawaco Cung cấp nước sạch khu vực trọng điểm là thành phố Trà Vinh và các thị trấn trong toàn tỉnh.



# MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, BỘ MÁY QUẢN LÝ

## Mô hình quản trị



### Các Đơn vị trực thuộc

Công ty có 06 đơn vị hoạt động gồm:

– **Chi nhánh Cấp Nước Tp Trà Vinh**

- Mã số chi nhánh: Chưa có
- Địa chỉ: 521B Nguyễn Chí Thanh - Phường 6 - Thành phố Trà Vinh - Trà Vinh

– **Chi nhánh Cấp Nước Cầu Ngang – Trà Cú**

- Mã số chi nhánh: 2100119570-003
- Địa chỉ: Khóm Thống Nhất - Thị trấn Cầu Ngang - Huyện Cầu Ngang - Trà Vinh.

– **Chi nhánh Xây lắp - Dịch vụ**

- Mã số chi nhánh: 2100119570-004
- Địa chỉ: 521B Nguyễn Chí Thanh - Phường 6 - Thành phố Trà Vinh - Trà Vinh.

– **Chi nhánh cấp nước Tiểu Cần – Cầu Kè**

- Mã số chi nhánh: 2100119570-002
- Địa chỉ: Ấp Cầu Tre - Xã Phú Cần - Huyện Tiểu Cần - Trà Vinh.

– **Chi nhánh cấp nước Duyên Hải**

- Mã số chi nhánh: Chưa có
- Địa chỉ: Khóm Long Thạnh, phường 1, thị xã Duyên Hải, Trà Vinh

– **Xí Nghiệp Quản Lý Thoát Nước**

- Mã số chi nhánh: Chưa có
- Địa chỉ: Lê Lợi, Khóm 4 , phường 1, TP Trà Vinh

### Các Công ty con, Công ty liên kết

**Công ty con:**

Không có

**Công ty liên kết:**

Công ty cổ phần nước và môi trường Duyên Hải

Vốn điều lệ 15.000.000 đồng

Tỷ lệ góp vốn: 20% tương đương 3.000.000

## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### Các mục tiêu chủ yếu

- Xây dựng Công ty mạnh hơn, hiệu quả hơn trên cơ sở thực hiện tái cơ cấu, sử dụng hợp lý các nguồn lực; Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, liên kết cao hơn về tài chính, công nghệ và thị trường.
- Xây dựng đội ngũ lãnh đạo có bản lĩnh và chuyên nghiệp, đồng thời xây dựng đội ngũ quản lý, kinh doanh và chuyên gia giỏi.
- Thực hiện sắp xếp lại và thay đổi cơ cấu doanh nghiệp Nhà nước, tạo ra loại hình doanh nghiệp có nhiều chủ sở hữu, trong đó có đông đảo người lao động, để quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn, tài sản của Nhà nước, tạo động lực mạnh mẽ và cơ chế quản lý năng động cho doanh nghiệp.



### Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Liên kết đối tác chiến lược có tiềm năng về vốn, kỹ thuật, năng lực quản trị, sản phẩm và thị trường; Đồng thời đẩy mạnh liên kết nội khối tạo nhiều cơ hội, tạo nguồn lực tổng hợp để có lợi thế cạnh tranh hơn, hiệu quả hơn.
- Định hướng ngành nghề và sản phẩm: Tăng trưởng mạnh, vững chắc, tập trung phát triển các ngành nghề kinh doanh chính, tạo lợi thế cạnh tranh ở những sản phẩm dịch vụ truyền thống đã được khẳng định trên thị trường. Đồng thời phát triển các loại hình dịch vụ, kinh doanh mới. Tiếp tục đầu tư các thiết bị chuyên dụng, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, đẩy mạnh phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật nhằm tối đa hóa lợi nhuận.
- Đào tạo và xây dựng một đội ngũ cán bộ, công nhân viên của Công ty có kiến thức chuyên môn nghiệp vụ giỏi, có tầm nhìn đáp ứng được mọi yêu cầu của công việc đồng thời có bản lĩnh chính trị và đạo đức lối sống tốt.





### **Các mục tiêu đối với môi trường và xã hội**

Trawaco chú trọng việc cải tiến công nghệ, nâng cấp, đầu tư mới trang thiết bị để tăng hiệu quả sản xuất. Ngoài ra, tất cả các phân xưởng, nhà máy chế biến đều được đánh giá tác động môi trường, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến cộng đồng dân cư

### **Mục tiêu đối với xã hội, cộng đồng**

- Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty đặc biệt quan tâm, luôn chấp hành tốt và có những hành động thiết thực với vấn đề môi trường, xã hội và cộng đồng.
- Hoàn thiện chế độ lương thưởng, thù lao, chính sách xã hội nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống cho cán bộ công nhân viên của Công ty. Khuyến khích sự tham gia của tất cả cá nhân vào các hoạt động tình nguyện cũng như định hướng, thúc đẩy tư duy hướng tới phát triển bền vững.

### **Cam kết thực hiện**

- Tuân thủ luật Bảo vệ Môi trường và các yêu cầu khác liên quan đến các tác động môi trường của Công ty.
- Quan tâm đời sống của công nhân viên, tổ chức các phong trào thi đua, hoạt động đoàn thể, hoạt động xã hội,...
- Phát triển đi đôi với trách nhiệm bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên.
- Đầu tư vào hệ thống xử lý chất thải (khí và nước) chất lượng cao để bảo vệ môi trường sống cho sinh vật và cộng đồng dân cư xung quanh.



## CÁC RỦI RO

### Rủi ro kinh tế

Nhìn chung, 2017 được các chuyên gia kinh tế trên thế giới nhận định là năm mà nền kinh tế thế giới có bước tăng trưởng chung mạnh mẽ. Từ đầu tài kinh tế thế giới cho tới các nước phát triển và mới nổi, các hoạt động kinh tế đều được ghi nhận khả quan hơn so với dự báo ban đầu. Nếu đầu năm, GDP quý I nước ta xuống thấp nhất trong 3 năm qua thì con số 6,81% GDP cả năm là sự bức phá đầy ngoạn mục của nền kinh tế Việt Nam năm 2017. Lạm phát thì luôn được duy trì ổn định là quanh mức 3,53%. Ngoài ra Ngân hàng Nhà Nước tiếp tục duy trì lãi suất cho vay, tạo điều kiện tiếp cận vốn cho các doanh nghiệp.

Tình hình sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản cũng tương đối thuận lợi về thời tiết, nhiều công trình thủy lợi được đầu tư, nông dân chủ động áp dụng nhiều biện pháp khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Tuy nhiên, việc gia tăng bảo hộ thương mại và điều chỉnh các chính sách của Mỹ và các nước lớn đã ảnh hưởng tiêu cực đến xuất khẩu và đầu tư trực tiếp nước ngoài của Việt Nam và một số nước trong khu vực. Ngoài ra, các hoạt động thương mại dịch vụ mặc dù tốc độ tăng trưởng không đạt được như kỳ vọng nhưng nhìn chung cũng có bước phát triển. Trong năm, tỉnh đã tổ chức nhiều hoạt động xúc tiến thương mại, du lịch thu hút được nhiều người tham gia. Vì vậy 2017 được đánh giá là năm tăng trưởng của Trà Vinh nói chung và TRAWACO nói riêng.

Mặc dù là một công ty cấp thoát nước hoạt động chủ yếu trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, ít chịu tác động bởi những yếu tố vĩ mô tuy nhiên không vì vậy mà TRAWACO không cập nhật, theo sát tình hình kinh tế chung, nhờ đó Ban lãnh đạo mới có những chính sách phù hợp, định hướng công ty đi đúng định hướng phát triển.

### Rủi ro đặc thù ngành

- Rủi ro thất thoát nước: Đặc thù của các Doanh nghiệp cấp nước tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch hằng năm rất cao ảnh hưởng rất lớn đến nguồn thu của TRAWACO. Một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến thất thoát nước là do hệ thống đường ống cấp nước ở tình trạng quá cũ, lạc hậu. Ngoài ra tác động từ các đơn vị thi công công trình đến đường ống cấp nước cũng làm tăng tỷ lệ thất thoát nước.
- Rủi ro từ đơn giá nước đầu ra: Hoạt động trong ngành cấp thoát nước, đơn giá nước đầu ra do UBND tỉnh quyết định. Việc biến động đơn giá nước theo quyết định của UBND tỉnh sẽ ảnh hưởng lớn đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Đồng bằng sông Cửu Long trong những năm qua là nơi chịu ảnh hưởng mạnh mẽ nhất của biến đổi khí hậu. Theo ước tính, nước biển dâng từ 0.73 đến 1m trong vòng 100 năm tới, lượng nước ngọt giảm 30-35%, đó sẽ là những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp nguồn cung cấp nước của Công ty.

### Rủi ro pháp luật

Hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của hệ thống luật và văn bản dưới luật có liên quan như Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Môi trường,... Trong thời gian sắp tới, hệ thống văn bản luật tại Việt Nam sẽ có những thay đổi, hướng tới xây dựng một hành lang pháp lý chặt chẽ và khoa học, nhằm xây dựng môi trường lành mạnh thu hút và hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nền kinh tế. Để giảm thiểu những rủi ro pháp lý và đảm bảo luôn tuân thủ theo các quy định pháp luật hiện hành, Ban lãnh đạo và các bộ phận chuyên môn của Công ty luôn nghiên cứu kỹ các vấn đề pháp lý và phổ biến đến cán bộ công nhân viên để tránh các vi phạm ảnh hưởng tài chính và uy tín của Công ty.

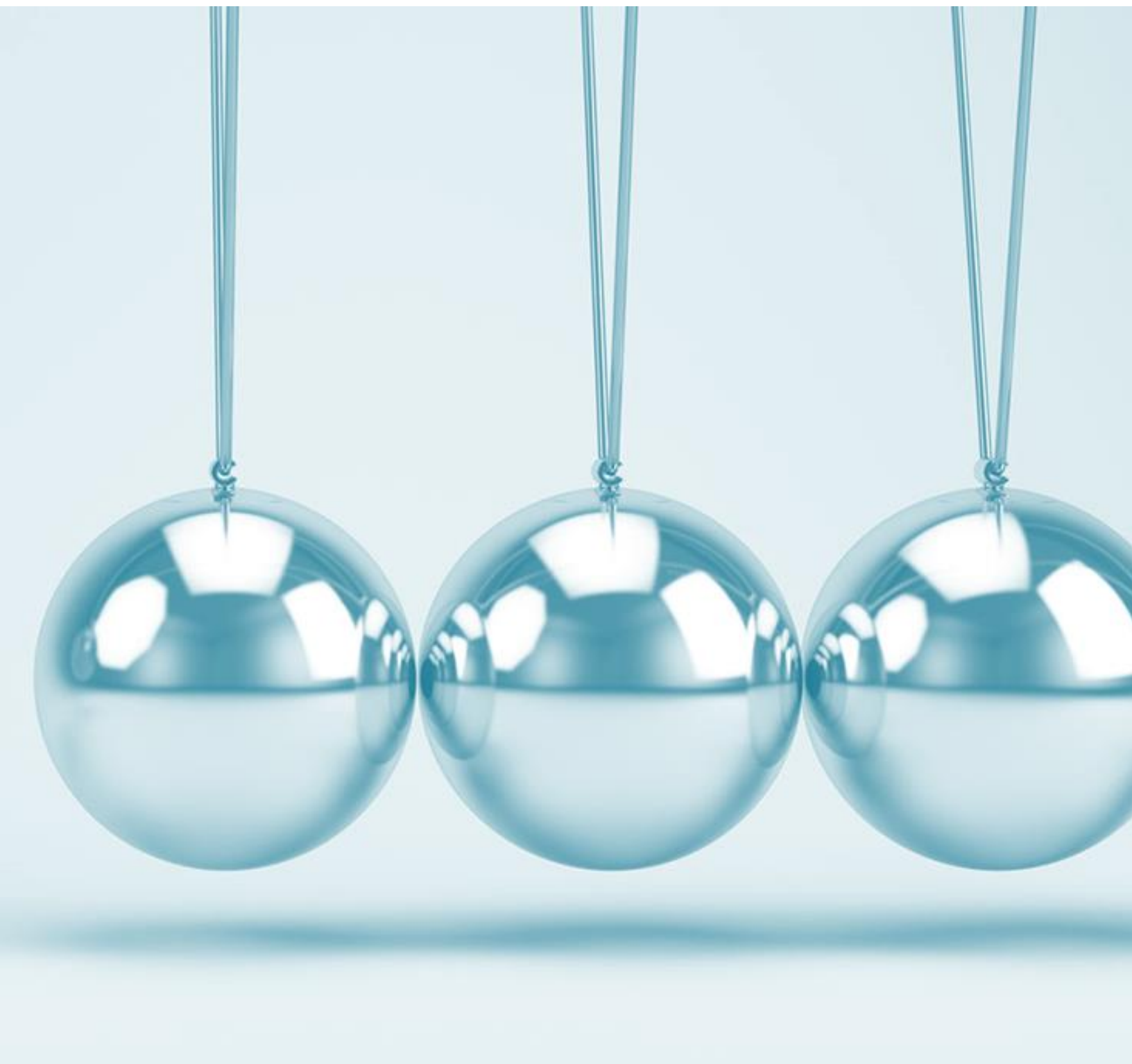
### **Rủi ro môi trường**

Nguồn nước ngày càng có nguy cơ bị ô nhiễm gây ra khó khăn nhất định cho Công ty trong việc xử lý nguồn nước nhằm đảm bảo nguồn cung nước sạch cho dân cư trong địa bàn.

Là công ty phục vụ trong ngành cấp nước, hoạt động sản xuất kinh doanh trực tiếp ảnh hưởng tới sức khỏe cộng đồng. Công ty luôn nỗ lực và tiếp tục đảm bảo các điều kiện về bảo vệ môi trường, tuân thủ các quy định của các cơ quan chức năng trong hoạt động khai thác và kinh doanh nước sạch. Ngoài ra, Công ty luôn ý thức được trách nhiệm khai thác nguồn nước hợp lý để duy trì tài nguyên thiên nhiên trong tương lai.

### **Rủi ro khác**

Ngoài những rủi ro đã kể trên, Công ty luôn có ý thức đề phòng các rủi ro bất khả kháng như hỏa hoạn, lũ lụt,... Những rủi ro này ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại rất lớn về người và tài sản cho Công ty. Vì vậy, hàng năm Công ty đều tham gia ký kết các hợp đồng bảo hiểm như: bảo hiểm lao động, bảo hiểm tai nạn,... nhằm phòng ngừa và hạn chế thiệt hại nếu có xảy ra.





# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội



## Tình Hình Hoạt Động Sản Xuất Kinh Doanh

### *Tình hình sản xuất kinh doanh:*

Kể từ ngày 07/12/2016, Công ty chính thức chuyển từ hình thức Công ty TNHH MTV sang hình thức Công ty cổ phần. Do đó, số liệu về Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh được tính từ ngày 07/12/2016 đến ngày 31/12/2017. Trong khi đó, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2016 được xác định trong khoảng thời gian từ 01/01/2016 đến ngày -06/12/2016. Điều này làm cho các chỉ tiêu tài chính dùng để so sánh trở nên ít có ý nghĩa trong giai đoạn này.

Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện 01/01/2016-06/12/2016	Thực hiện 07/12/2016-31/12/2017
Tổng doanh thu	Triệu đồng	63.029	87.989
Doanh thu thuần	Triệu đồng	62.240	87.657
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	4.922	12.774
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	4.023	10.201



**Tình hình sản xuất kinh doanh:**

**Cơ cấu doanh thu thuần**

Khoản mục	ĐVT	Năm 2016 01/01/2016- 06/12/2016		Năm 2017 07/12/2016- 31/12/2017	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu sản xuất và cung cấp nước máy	Tr. Đồng	55.542	89,24%	81.032	92,44%
Doanh thu thoát nước via hè	Tr. Đồng	4.698	7,55%	4.571	5,21%
Doanh thu bán vật liệu ngành nước	Tr. Đồng	287	0,46%	198	0,23%
Doanh thu xây lắp	Tr. Đồng	1.488	2,39%	1.551	1,77%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	Tr. Đồng	225	0,36%	304	0,35%
<b>Tổng cộng</b>	<b>Tr. Đồng</b>	<b>62.240</b>	<b>100,00%</b>	<b>87.657</b>	<b>100,00%</b>

Do Công ty vừa chuyển sang hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần nên việc so sánh, đánh giá các chỉ tiêu tài chính năm nay so với các năm trước vẫn chưa được đồng nhất. Tổng kết năm 2017, Công ty đạt kết quả kinh doanh khá tốt khi lợi nhuận sau thuế đạt 10,20 tỷ đồng vượt 100% kỳ vọng đề ra.

Trong năm 2017, xét về mặt cơ cấu doanh thu thuần, chiếm phần lớn tỷ trọng là doanh thu nước máy với doanh số đạt 81,03 tỷ đồng chiếm 92,44%. Tiếp theo là doanh thu từ hoạt động thoát nước via hè với mức 4,57 tỷ đồng chiếm 5,21%. Doanh thu bán vật liệu ngành nước, hoạt động xây lắp và cung cấp dịch vụ chiếm tỷ trọng chưa đến 3% cơ cấu doanh thu thuần.

## Tổ Chức Nhân Sự

### Danh sách Ban điều hành

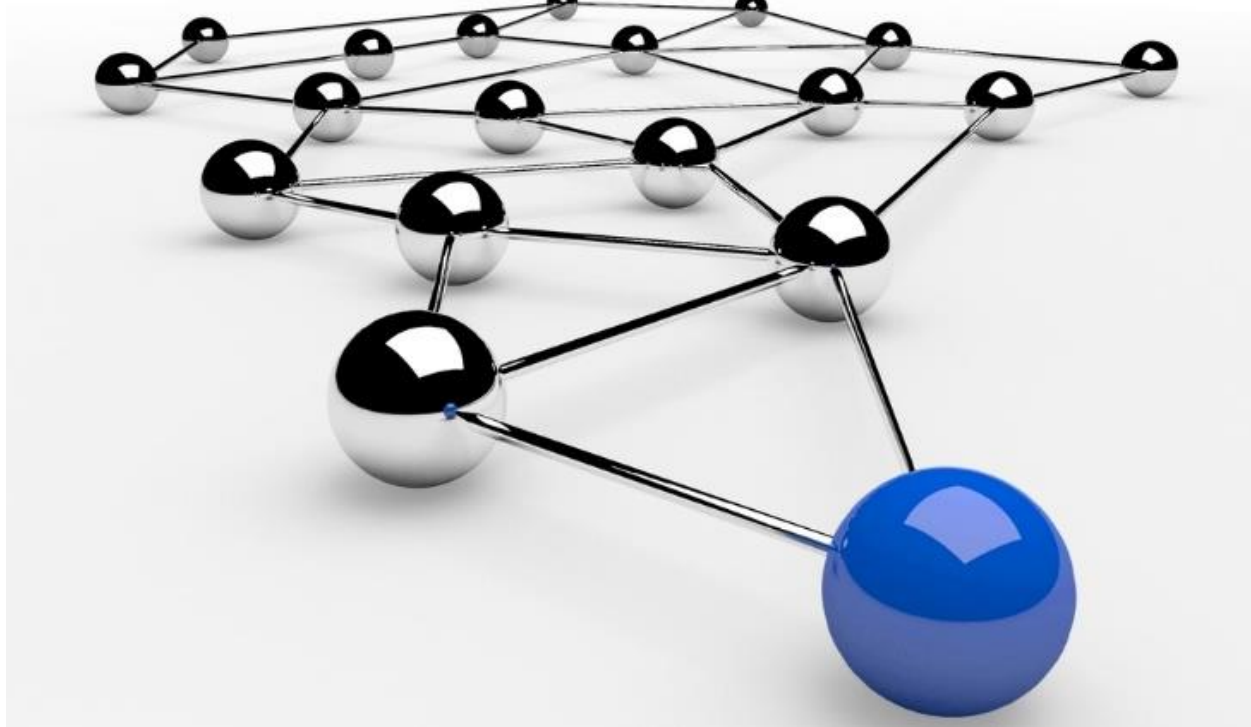
STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Như Bình	Tổng giám đốc
2	Nguyễn Văn Quý	Phó Tổng giám đốc
3	Trương Hoàng Diệp	Phó Tổng giám đốc
4	Đặng Thị Bích Thủy	Kế toán trưởng

Tính tại thời điểm 31/12/2017

### Những thay đổi trong Ban điều hành

Trong năm Công ty không có sự thay đổi Ban điều hành

### Sơ yếu lý lịch Ban điều hành



<b>Nguyễn Như Bình - Tổng giám đốc</b>	
Ngày tháng năm sinh:	15/03/1956
Trình độ chuyên môn:	Sư phạm kỹ thuật, Cử nhân Luật
Quá trình công tác:	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 10/1977 - 7/1984: Cán bộ phòng Kế hoạch theo dõi vật tư tại Sở Công nghiệp tỉnh Cửu Long.</li> <li>- Từ năm 1984 - 1986: Trưởng phòng Kế hoạch vật tư tại Xí nghiệp Sản sứ huyện Tam Bình, tỉnh Cửu Long.</li> <li>- Từ 07/1986 - 08/1992: Quyền Trưởng ban xây dựng cơ bản tại Xí nghiệp Liên hợp dược phẩm Cửu Long.</li> <li>- Từ 08/1992 - 07/1994: Quản đốc phân xưởng gỗ tại Nhà máy thiết bị Giáo dục TW II – Bộ Giáo dục – Đào tạo TP. HCM.</li> <li>- Từ tháng 07/1994 - 2006: Trưởng phòng KH-KT tại Công ty Cấp Thoát nước Trà Vinh.</li> <li>- Từ 2006 - 2010: Giám đốc Công ty Cấp Thoát nước Trà Vinh</li> <li>- Từ 2011-2016: Chủ tịch Hội đồng thành viên Kiểm Giám đốc tại Công ty TNHH MTV Cấp Thoát nước Trà Vinh</li> <li>- Từ 12/2016 – nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc tại Công ty cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh</li> </ul>
Các chức vụ công tác hiện nay tại công ty	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh
Số CP nắm giữ hiện tại	3.362.308 CP tương đương 23,03% VĐL
✓ Đại diện sở hữu (đại diện sở hữu vốn Nhà nước cho UBND tỉnh Trà Vinh):	3.357.508 CP tương đương 23,00% VĐL
✓ Cá nhân sở hữu:	4.800 CP tương đương 0,03% VĐL

<b>Nguyễn Văn Quý - Phó Tổng giám đốc</b>	
Ngày tháng năm sinh:	25/12/1965
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 1985-1987: Cán bộ chuyên quản tại Sở Tài chính Cửu Long.</li> <li>- Từ 1987-1988: Kế toán trưởng tại các chương trình viện trợ Quốc tế Cửu Long</li> <li>- Từ 1988-1992: Kế toán trưởng tại Chương trình nước Cửu Long.</li> <li>- Từ 1992-1996: Kế toán trưởng tại Chương trình nước Trà Vinh.</li> <li>- Từ 1996-1998: Phó Chủ nhiệm, Phó Giám đốc tại Trung tâm nước và vệ sinh môi trường tỉnh Trà Vinh.</li> <li>- Từ 1998-2000: Phó Giám đốc tại Công ty Điện nước sinh hoạt nông thôn.</li> <li>- Từ 05/2001 - 12/2010: Phó Giám đốc tại Công ty Cấp thoát nước Trà Vinh.</li> <li>- Từ 01/2011 – 11/2016: Phó Giám đốc tại Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh.</li> <li>- Từ 12/2016 – nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc, chủ tịch Công đoàn cơ sở tại Công ty CP Cấp thoát nước Trà Vinh.</li> </ul>
Các chức vụ công tác hiện nay tại công ty	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc, chủ tịch Công đoàn cơ sở Công ty CP Cấp thoát nước Trà Vinh.
Số CP nắm giữ hiện tại	2.346.258 cổ phần tương đương 16,07%
<ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Đại diện sở <b>hữu</b> (đại diện sở hữu <i>vốn Nhà nước cho UBND tỉnh Trà Vinh</i>)</li> </ul>	2.335.658 CP tương đương 16,00% VDL
<ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Cá nhân sở hữu:</li> </ul>	10.600 CP tương đương 0,07% VDL



<b>Trương Hoàng Diệp - Phó Tổng Giám đốc</b>	
Ngày tháng năm sinh:	16/02/1970
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư Xây dựng
Quá trình công tác:	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 1993-1994: Cán bộ kỹ thuật tại Sở Xây dựng Trà Vinh.</li> <li>- Từ 1995-2001: Cán bộ kỹ thuật tại Ban quản lý Dự án địa phương thuộc Sở Xây dựng Trà Vinh.</li> <li>- Từ 2002-2003: Trưởng phòng Quản lý kỹ thuật tại Ban quản lý Dự án xây dựng dân dụng và công nghiệp thuộc Sở Xây dựng Trà Vinh.</li> <li>- Từ 2004-2011: Phó Giám đốc tại Ban quản lý Dự án xây dựng dân dụng và công nghiệp thuộc Sở Xây dựng Trà Vinh.</li> <li>- Từ 2012-2014: Phó phòng Quản lý hoạt động xây dựng và chất lượng công trình tại Sở Xây dựng Trà Vinh.</li> <li>- Từ 7/2014 – 11/2016: Phó Giám đốc tại Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh.</li> <li>- Từ 12/2016 - nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc tại Công ty CP Cấp thoát nước Trà Vinh.</li> </ul>
Các chức vụ công tác hiện nay tại công ty	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Cấp thoát nước Trà Vinh.
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Bí thư Đảng ủy
Số CP nắm giữ hiện tại	2.191.779 cổ phần tương đương 15,01%
✓ Đại diện sở <b>hữu</b> (đại diện sở hữu <i>vốn Nhà nước cho UBND tỉnh Trà Vinh</i> )	2.189.679 CP tương đương 15,00 % VDL
✓ Cá nhân sở hữu:	2.100 CP tương đương 0,01% VDL

<b>Đặng Thị Bích Thủy - Kế toán trưởng</b>	
Ngày tháng năm sinh:	24/01/1968
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:	<ul style="list-style-type: none"><li>- Từ tháng 05/1996-09/1999: Thủ quỹ tại BQL Dự án Cấp thoát nước Trà Vinh.</li><li>- Từ tháng 10/1999-11/2009: Nhân viên tại Nhà máy nước Trà Vinh.</li><li>- Từ tháng 12/2009-12/12/2010: Kế toán tổng hợp tại Công ty Cấp thoát nước Trà Vinh.</li><li>- Từ tháng 1/2011-7/2013: Kế toán tổng hợp tại Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh.</li><li>- Từ tháng 7/2013-11/2016: Phó phòng Kế toán tại Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh.</li><li>- Từ 12/2016 đến nay: Kế toán trưởng tại Công ty CP Cấp thoát nước Trà Vinh</li></ul>
Các chức vụ công tác hiện nay tại công ty đại chúng	Kế toán trưởng
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Số CP nắm giữ hiện tại	1.900 CP tương đương 0,01% VDL
✓ Đại diện sở hữu:	0
✓ Cá nhân sở hữu:	1.900 CP tương đương 0,01% VDL

# RESOURCES



**Số lượng cán bộ, nhân viên (Tại thời điểm ngày 31/12/2017)**

STT	Tiêu chí	Số lượng	Tỷ trọng
<b>A</b>	<b>Theo trình độ lao động</b>	<b>198</b>	100,00%
1	Trình độ đại học và trên đại học	68	34,34%
2	Cao đẳng, trung cấp	49	24,75%
3	Công nhân kỹ thuật	63	31,82%
4	Sơ cấp	01	0,51%
5	Lao động phổ thông	17	8,59%
<b>B</b>	<b>Theo giới tính</b>	<b>198</b>	100,00%
1	Nam	174	87,88%
2	Nữ	24	12,12%

**Thu nhập bình quân**

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Thu nhập bình quân	Đồng/người/ tháng	5.499.000	5.627.000	5.770.533

Tổng số lao động thực tế của Công ty có mặt vào ngày 31/12/2017 là 198 người, tăng 01 người so với năm trước. Trong số 198 nhân viên, lao động có trình độ từ trung cấp trở lên chiếm tỷ trọng 57,87%, với 114 người. Còn lại 83 lao động phổ thông chiếm 42,13%.

Trong khi đó, mức thu nhập bình quân của người lao động được nâng lên mức 5.770.533 đồng, tăng 2,55% so với năm 2016.

### **Chính sách nhân sự**

Việc trả lương thưởng cho từng cá nhân, từng bộ phận nhằm khuyến khích người lao động làm việc, hoàn thành tốt công việc theo chức danh và đóng góp quan trọng vào việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Đảm bảo đời sống cho người lao động yên tâm công tác. Thực hiện đúng quy định của pháp luật lao động về lương thưởng và các chế độ cho người lao động.

Đánh giá năng lực cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý và nhân viên: Công ty tiếp tục củng cố, kiện toàn bộ máy quản lý điều hành theo hướng gọn nhẹ, nhằm đảm bảo có đội ngũ cán bộ lãnh đạo, kỹ sư và chuyên viên giỏi để có đủ năng lực điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn công ty đạt hiệu quả cao.

Trên cơ sở kết quả đánh giá, công ty sẽ thực hiện công tác điều động, luân chuyển công tác người lao động, cán bộ quản lý để phù hợp với trình độ và tạo điều kiện phát huy năng lực cá nhân.

Hiện nay Công ty đang xây dựng thang, bảng lương mới theo Nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ, quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước; Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động thương binh và xã hội, hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

### **Chính sách lương - thưởng**

TRAWACO xây dựng chính sách lương cán bộ công nhân viên phù hợp với năng lực công tác và vị trí phụ trách. Ngoài ra, Ban lãnh đạo Công ty thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu suất lao động của cán bộ công nhân viên; từ đó, có đánh giá và điều chỉnh mức lương phù hợp cho nhân viên trên toàn Công ty.

Chính sách khen thưởng được áp dụng gắn liền với kết quả công việc, hiệu quả sản xuất kinh doanh nhằm tạo động lực làm việc tích cực cho cán bộ công nhân viên.





### **Chính sách tuyển dụng, đào tạo**

**Tuyển dụng:** Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn, nhiệt tình, ham học hỏi, yêu thích công việc, chủ động trong công việc, có ý tưởng sáng tạo. Đối với các vị trí quan trọng, các yêu cầu tuyển dụng khá khắt khe, với các tiêu chuẩn bắt buộc về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và trình độ ngoại ngữ, tin học.

**Chính sách thu hút nhân tài:** Công ty có chính sách lương, thưởng đặc biệt đối với các cán bộ công nhân viên giỏi và nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để giữ chân cán bộ công nhân viên lâu dài, mặt khác để thu hút nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc cho Công ty.

**Đào tạo:** Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là trình độ chuyên môn nghiệp vụ và hệ thống quản lý chất lượng. Việc đào tạo được tiến hành nội bộ và đào tạo bên ngoài. Các chương trình đào tạo chú trọng vào nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật và nhận thức của cán bộ công nhân viên về quản lý SXKD, an toàn lao động và an toàn vệ sinh khi sản xuất,...từ đó nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm đầu ra. Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ cũng được chú trọng về chiều sâu.

### **Chính sách phúc lợi**

Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật.

## Tình Hình Đầu Tư, Thực Hiện Dự Án

- Dự án Hệ thống xử lý cặn vôi bằng phương pháp ép ly tâm đã thi công hoàn thành giá trị 3.102 triệu đồng.
- Dự án Đầu tư mở rộng nhà máy nước Cầu Kè, cấp nước một phần cho xã Hòa Tân, xã Châu Diên và thị trấn Cầu Kè:
  - Gói thầu thi công xây dựng công trình nhà điều hành, cống, hàng rào, đường nội bộ và hệ thống thoát nước, hồ đồng hồ, bể lọc tự rửa, bơm cấp II, hoàn thành trong tháng 01/2018. Giá trị dự toán: 452.375.080 đồng, giá trị quyết toán: 451.164.828 đồng.
  - Gói thầu thi công ống công nghệ trạm bơm cấp II và bồn lọc thuộc Công trình hệ thống cấp nước huyện Cầu Kè (khởi công 08/02/2018; Hoàn thành 15/3/2018). Giá trị dự toán: 137.626.259 đồng, giá trị quyết toán: 129.872.904 đồng.
- Đã triển khai thi công các tuyến ống phân phối cấp nước khu vực bức xúc, đưa vào sử dụng:
  - Tuyến ống phân phối PVC D150 hương lộ 10 từ ngã ba Hòa Thuận đến vàm Trà Vinh dài 4.100m. Tổng dự toán 2.883.071.095 đồng.
  - Tuyến ống phân phối PVC D200 đường Võ Nguyên Giáp từ Nguyễn Đáng đến ngã tư Sâm Bua dài 3.100m. Tổng dự toán 3.519.472.665 đồng.
  - Một số tuyến ống khu vực có nhu cầu...
- Dự án xử lý chất lượng nước Nhà máy cấp nước thành phố Trà Vinh công suất 18.000 m<sup>3</sup> ngày/đêm Năm 2017 đang triển khai thiết kế bản vẽ thi công và dự toán.



**Tình Hình Tài Chính**

Chỉ tiêu	ĐVT	Thời gian 01/01/2016- 06/12/2016	Thời gian 07/12/2016- 31/12/2017
Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	330.221	357.329
Doanh thu thuần	Triệu đồng	87.657	62.240
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	12.710	4.893
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	64	29
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	12.774	4.922
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	10.201	4.023

Lưu ý: “Số liệu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 06 tháng 12 năm 2016” là số liệu của 11 tháng nên không có tính so sánh với số liệu từ 07/12/2017 đến 31/12/2017. Do đó, số liệu so sánh chỉ mang tính chất tham khảo.



## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thời gian 01/01/2016- 06/12/2016	Thời gian 07/12/2016- 31/12/2017
1	<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0.72	0,40
-	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0.61	0,25
2	<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
-	Hệ số nợ/ Tổng tài sản	Lần	57,5%	50,42%
-	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	135,1%	101,68%
3	<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
-	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	9,14	5,76
-	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	0,35	0,25
4	<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	7.91%	11,64%
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	2.65%	6,23%
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	1.13%	3,09%
-	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	7.86%	14,50%

**Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

**Cổ phần**

- Vốn điều lệ: 145.978.600.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 14.597.860 cổ phiếu
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
  - Cổ phiếu thường: 14.597.860 cổ phiếu
  - Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 14.597.860 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng: 8.900 cổ phiếu (Lý do: Đây là lượng cổ phần bán cho người lao động trong công ty được mua ưu đãi theo thời gian cam kết làm việc lâu dài tại công ty khi cổ phần hóa và bị hạn chế chuyển nhượng theo đúng số năm cam kết nắm giữ (từ 03-10 năm) tính từ ngày công ty chính thức chuyển sang hình thức CTCP ngày 07/12/2016).

**Cơ cấu cổ đông tại ngày 16/05/2017**

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng cp nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
<b>1</b>	<b>Cổ đông Nhà nước</b>	<b>01</b>	<b>12.019.660</b>	<b>82.34</b>
<b>2</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>182</b>	<b>2.578.000</b>	<b>17.66</b>
	- Tổ Chức	4	2.209.000	15.13
	- Cá nhân	178	369.200	2.53
<b>3</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>			
	- Tổ chức	0	0	0
	- Cá nhân	0	0	0
	<b>Tổng</b>	<b>183</b>	<b>14.597.860</b>	<b>100</b>

*Danh sách cổ đông lớn tại ngày 16/05/2017*

Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Trà Vinh		12.019.660	82,34%
Công ty CP Nước & Môi trường Đồng Bằng	0305246086	1.459.854	10,00%
Công ty Cổ phần RYNAN TECHNOLOGIES Vietnam	2100592145	740.146	5,07%
<b>Tổng</b>		<b>14.219.660</b>	<b>97,41%</b>

*Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có*

*Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có*

*Các chứng khoán khác: Không có*

## **Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội**

### ***Quản lý nguồn nguyên liệu***

Công ty sử dụng các hóa chất xử lý nước như: Clo, PAC, phèn, vôi, ... cho quá trình xử lý nước để tạo ra nguồn nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng của người dân và khách hàng. Đây là những hóa chất thông dụng, không đòi hỏi các chất hỗ trợ, các thiết bị và thao tác phức tạp, nhưng mang lại hiệu quả cao trong quá trình lọc nước, ổn định độ pH của nước, góp phần tạo ra nguồn nước chất lượng. Trong năm 2017, Công ty chi hơn 1,8 tỷ đồng cho các hóa chất xử lý nước. Khoảng chi phí này chiếm 2,6% tổng chi phí của Công ty.

Công ty luôn chú trọng sử dụng nguyên vật liệu thân thiện với môi trường và có thể tái chế, tái sử dụng được. Bên cạnh đó, Công ty luôn chú ý lựa chọn nguồn cung cấp nguyên vật liệu đáng tin cậy để giảm thiểu rủi ro mua nhầm hàng kém chất lượng, có khả năng gây hại cho môi trường sống và cộng đồng dân cư. Ngoài ra, Công ty cũng có những quy định về bảo quản hóa chất dùng trong xử lý rác thải, để tránh trường hợp lạm dụng hóa chất, gây ô nhiễm môi trường sống.

### ***Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường***

Là doanh nghiệp sản xuất, Công ty luôn nhận thức rằng hoạt động sản xuất chế biến của Công ty sẽ có những tác động đến môi trường xung quanh. Do vậy, Công ty đã:

- Tuân thủ tốt các quy định về bảo vệ môi trường của nhà nước;
- Thực hiện nhiều giải pháp để giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường.

Kết quả, trong năm 2017 Công ty đã thực hiện tốt công tác quản lý và bảo vệ môi trường, được đánh giá tốt qua các cuộc kiểm tra định kỳ của các cơ quan chức năng, được sự ủng hộ của cộng đồng dân cư khu vực xung quanh nhà máy.

Năm 2017 vừa qua Công ty đã không có hành vi vi phạm và không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.



***Tiêu thụ năng lượng***

Công ty tiêu thụ điện năng và nhiên liệu là dầu diesel để phục vụ quá trình sản xuất kinh doanh. Điện năng chiếm phần lớn trong chi phí sản xuất nhằm phục vụ cho quá trình vận hành các thiết bị và nhà máy nước. Dầu diesel chỉ được sử dụng để chạy máy phát điện khi cúp điện. Công ty chủ trương sử dụng hợp lý nguồn nguyên nhiên vật liệu và khuyến khích toàn thể Người lao động thực hành tiết kiệm trong sản xuất và đời sống.

***Chính sách liên quan đến người lao động***

- Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:
  - Số lượng cán bộ công nhân viên lao động: Tổng số lao động đến tháng 12/2017 là 198 người
  - Mức lương trung bình: : 5.770.533 đồng/người/tháng. Việc trả lương gắn liền với từng vị trí chức danh, hiệu quả công việc và hiệu quả kinh doanh của công ty.
- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:
  - Công ty thực hiện tốt công tác bảo hộ lao động như: khám sức khỏe định kỳ, khám chuyên sâu phân loại bệnh nghề nghiệp cho Người lao động; các chức danh nghề thuộc nhóm nặng nhọc độc hại đều được phụ cấp theo quy định; trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân theo tính chất công việc ..v..v...
  - Tuân thủ, thực hiện đầy đủ các qui định, nội qui, qui trình thực hiện công tác an toàn vệ sinh lao động (ATVSLĐ) nhất là công tác phòng cháy chữa cháy (PCCC).
  - Trang bị bảo hộ lao động, thực hiện đo kiểm môi trường lao động. Thường xuyên tổ chức kiểm tra, tự kiểm tra, đôn đốc thực hiện các biện pháp an toàn lao động tại đơn vị. Kết quả, trong năm 2017, Công ty không để xảy ra tai nạn lao động.
- Hoạt động đào tạo Người lao động: Công tác đào tạo huấn luyện luôn là mục tiêu quan trọng của công ty. Trong năm 2017, Công ty đã tổ chức cho Người lao động cập nhật nâng cao kiến thức nghiệp vụ và đảm bảo an toàn lao động; Bồi dưỡng kỹ năng nghề cho công nhân sản xuất và lao động phổ thông.

## **Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội**

### **Trách nhiệm đối với môi trường**

Là một doanh nghiệp sử dụng tài nguyên nước khá lớn trên địa bàn, Công ty xác định việc chấp hành pháp luật về tài nguyên nước là trách nhiệm và quyền lợi của doanh nghiệp, ngoài việc phối hợp với các ngành chức năng để bảo vệ khai thác nguồn nước hiệu quả, tiết kiệm hạn chế ô nhiễm nguồn nước. Công ty thường xuyên kiểm tra chất lượng nguồn nước thô, quan tâm công tác xả thải nhằm hạn chế thấp nhất ô nhiễm môi trường.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là cung cấp nước sạch, một sản phẩm thiết yếu cho nhu cầu sinh hoạt hằng ngày của người dân. Do đó ngoài hoạt động kinh doanh, Công ty còn phải đảm bảo vai trò phục vụ an sinh xã hội, Công ty sẽ nỗ lực để người dân trong khu vực được sử dụng nước sạch, góp phần cùng cơ quan ban ngành chức năng cải thiện môi trường sống và chăm lo sức khỏe cho người dân. Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hàng năm, công nghệ sản xuất nước sạch của Công ty phù hợp với tiêu chuẩn môi trường theo quy định. Ngoài ra các đoàn kiểm tra giám sát về môi trường của tỉnh và cơ quan thẩm quyền thường xuyên đến Công ty kiểm tra đã đánh giá Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh đảm bảo vệ sinh và môi trường



### **Trách nhiệm đối với xã hội và cộng đồng**

Công ty đã và đang tạo được việc làm ổn định cho người lao động, luôn tuân thủ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật, duy trì đều đặn các chính sách phúc lợi hằng năm, tạo điều kiện để người lao động thể hiện năng lực, được học hỏi nâng cao kiến thức chuyên môn. Kết quả đạt được cho thấy cán bộ công nhân viên có năng lực nghiệp vụ chuyên ngành phù hợp, với mục tiêu chính là xây dựng công ty ngày càng phát triển vững mạnh, tăng cường hiệu quả đầu tư của các cổ đông, nâng cao đời sống cán bộ, công nhân viên, đóng góp ngày càng nhiều vào ngân sách nhà nước. Mặt khác, thu nhập của người lao động trong những năm gần đây liên tục có sự cải thiện cũng góp phần tạo nên những điểm sáng về kết quả thực hiện mục tiêu đối với những người đã luôn gắn bó với Công ty vì mục tiêu phát triển chung.

Ngoài ra, Công ty hoàn toàn tuân thủ các chính sách an sinh xã hội của địa phương vùng hoạt động với mong muốn góp một phần lợi ích vào sự phát triển chung của xã hội. Đồng thời luôn quan tâm và tạo điều kiện để đóng góp vào các quỹ phát triển địa phương, các dự án xây dựng của địa phương; tham gia tích cực vào các hoạt động đoàn thể, các công tác giáo dục về pháp luật về kiến thức cần thiết cho người dân; vận động kế hoạch hóa gia đình, phòng chống bệnh và dịch bệnh; tổ chức và tham gia các phong trào xanh, sạch, vệ sinh của địa phương; cứu trợ, từ thiện ... đặc biệt trong vùng hoạt động chính của Công ty tại Trà Vinh.



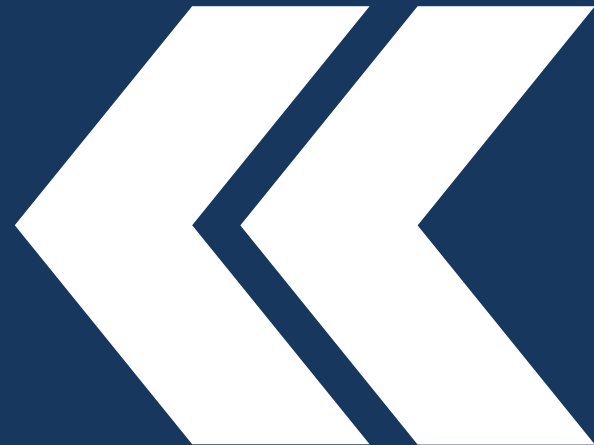
# **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai



## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017

STT	Chỉ tiêu	01/01/2016 đến 06/12/2016	07/12/2016 đến 31/12/2016
1	Doanh thu thuần	62.240	87.657
2	Giá vốn hàng bán	41.329	51.329
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.911	36.328
4	Doanh thu hoạt động tài chính	789	332
5	Chi phí tài chính	789	332
6	Chi phí bán hàng	5.788	9.815
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.553	13.031
8	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	4.893	12.710
9	Thu nhập khác	144	198
10	Chi phí khác	114	134
11	Lợi nhuận khác	29	64
12	Lợi nhuận trước thuế	4.922	12.774
13	Lợi nhuận sau thuế	4.023	10.201

Lưu ý: "Số liệu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 07 tháng 12 năm 2016" là số liệu không tròn tháng nên không có tính so sánh với số liệu từ 07/12/2016 đến 31/12/2017. Do đó, số liệu so sánh chỉ mang tính chất tham khảo.



### Những thành tựu đạt được

- Công ty thực hiện kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất, dịch vụ ở các đô thị trong toàn tỉnh, tập trung tại Thành phố Trà Vinh và thị trấn Châu Thành. Trong đó nhà máy cấp nước Duyên Hải vận hành với công suất 9.600 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Tổng công suất khai thác toàn Công ty bình quân 28.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.
  - Ngoài việc tăng khả năng cung cấp nước Công ty còn tiến hành công tác cải thiện mạng lưới cấp nước hiện hữu và đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước những khu vực đông dân cư.
  - Bên cạnh đó, Công ty không ngừng cải thiện chất lượng nước và tăng tính phục vụ, dịch vụ cho khách hàng. Qua quá trình phát triển đơn vị đạt được một số thành tựu quan trọng tạo tiền đề cho bước phát triển mới trong những năm tiếp theo.
- 
- Ngành nghề kinh doanh của Công ty sau khi cổ phần hóa không thay đổi nhiều, chủ yếu tập trung nguồn lực để đảm bảo phục vụ nước sạch cho dân cư đô thị theo chủ trương của Nhà nước.
  - Riêng hoạt động xây lắp, hiện nay nguồn thu vẫn còn thấp, nhưng trong thời gian tới dự kiến Công ty sẽ xúc tiến mảng quản lý và xây lắp các hệ thống cấp thoát nước, thiết kế các hạng mục cấp và thoát nước. Từ đó phát triển thêm ngành nghề ngành kinh doanh khác nhằm gia tăng nguồn thu.
  - Nâng cao năng lực sản xuất theo hướng tự động hóa, hiện đại hóa, đảm bảo kinh doanh hiệu quả, phấn đấu tăng trưởng lợi nhuận đạt kế hoạch đề ra. Xây dựng đội ngũ cán bộ kỹ thuật và nghiệp vụ chất lượng, đủ sức đáp ứng các yêu cầu về nước sạch ngày càng tăng. Thực hiện tốt kế hoạch cấp nước an toàn, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, sức khỏe cộng đồng.

## **Thuận lợi**

- Tình hình kinh tế vĩ mô trong nước tương đối ổn định, tốc độ tăng trưởng GDP tăng so với năm 2016 và vượt mục tiêu Chính phủ đề ra. Bên cạnh đó, tỷ lệ lạm phát được kiểm soát ở mức thấp, lãi vay ổn định, tỷ giá biến động không đáng kể.
- Tiền thân là Công ty thuộc sở hữu 100% vốn nhà nước sau khi thực hiện cổ phần hóa chính thức chuyển thành Công ty cổ phần, vốn nhà nước tại doanh nghiệp là 82,34% Công ty nhận được chỉ đạo và quan tâm sâu sắc từ chủ sở hữu Nhà nước - UBND tỉnh Trà Vinh. Đây là điều thuận lợi cho Công ty luôn được sự chỉ dẫn hỗ trợ từ phía UBND tỉnh để mở rộng và phát triển hoạt động tại địa bàn.
- Sản phẩm và dịch vụ của Công ty là một trong những sản phẩm thiết yếu đối với người tiêu dùng, nhu cầu sử dụng nước sạch ngày càng gia tăng khi chất lượng đời sống xã hội ngày càng cao.
- Quy hoạch phát triển đô thị tại Trà Vinh trong thời gian qua có nhiều thay đổi, đặc biệt sẽ thay đổi nhanh chóng trong thời gian tới. Tỷ lệ đô thị hóa cho thấy dân số đô thị thành phố Trà Vinh tới năm 2020 sẽ vào khoảng 360.000 - 400.000 người, cùng với những hỗ trợ từ các sở ban ngành sẽ tạo điều kiện cho TRAWACO tăng trưởng trong thời gian tới.



### **Khó khăn**

- Nước sạch sinh hoạt cho các hộ dân cư chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu nước tiêu thụ của Công ty, trong khi đó giá bán nước sạch sinh hoạt cho các hộ dân cư thường thấp hơn các đối tượng khác và do UBND tỉnh Trà Vinh quyết định nên việc điều chỉnh giá nước sinh hoạt của hộ dân cư chậm và thấp hơn đề xuất của Công ty sẽ ảnh hưởng rất lớn đến doanh thu, lợi nhuận của Công ty.
- Nguồn vốn ngân sách đầu tư cho cấp nước còn hạn chế, công ty phải đi vay để đầu tư.
- Chi phí mở rộng mạng lưới cấp nước khá tốn kém do phát sinh của chi phí bồi thường, đầu tư hệ thống cấp nước.
- Việc cho các cơ sở sản xuất, một số doanh nghiệp được tự khoan giếng ngầm đã làm giảm sút sản lượng tiêu thụ, ảnh hưởng tới nguồn nước ngầm dự trữ, làm gián tiếp ảnh hưởng tới nguồn nước của nhà máy, ảnh hưởng tới môi trường nước.
- Nhà nước đang từng bước chuyển sang cơ chế đấu thầu đối với hoạt động vệ sinh môi trường. Do đó tình trạng cạnh tranh trong hoạt động kinh doanh của TRAWACO sẽ có thể xảy ra trong thời gian tới.

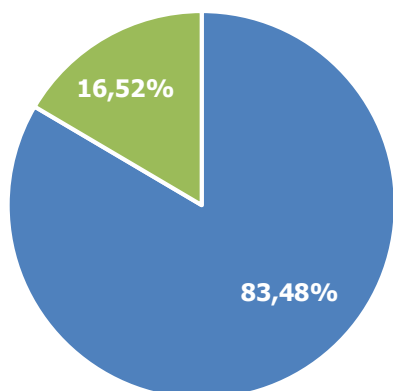
## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	01/01/2016 - 06/12/2016	07/12/2016 - 31/12/2017	Tỷ trọng 01/01/2016 - 06/12/2016	Tỷ trọng 07/12/2016 - 31/12/2017
Tài sản ngắn hạn	298.308	306.563	83,48%	92,84%
Tài sản dài hạn	59.021	23.658	16,52%	7,16%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>357.329</b>	<b>330.221</b>	<b>100,00%</b>	<b>100,00%</b>

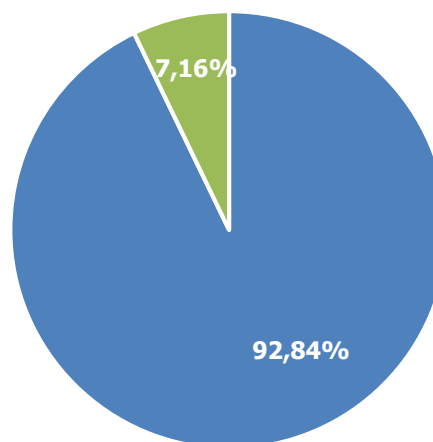
Lưu ý: "Số liệu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 07 tháng 12 năm 2016" là số liệu không tròn tháng nên không có tính so sánh với số liệu từ 07/12/2016 đến 31/12/2017. Do đó, số liệu so sánh chỉ mang tính chất tham khảo.

01/01/2016 - 06/12/2016



■ Tài sản ngắn hạn ■ Tài sản dài hạn

07/12/2016 - 31/12/2017



■ Tài sản ngắn hạn ■ Tài sản dài hạn

Công ty vẫn giữ nguyên cơ cấu sử dụng tài sản ngắn hạn rất thấp so với tài sản dài hạn. Với đặc thù ngành nghề xử lý và cung cấp nước sạch nên giá trị tài sản cố định luôn duy trì ở mức cao, tỷ trọng tài sản cố định chiếm đến 85,56% trong cơ cấu tài sản. Trong khi đó tài sản ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2017 chủ yếu đến từ 2 khoản mục là khoản phải thu và hàng tồn kho. Cụ thể khoản phải thu ngắn hạn đạt 9,25 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng lớn là nước sinh hoạt của hộ dân cư. Mặt khác hàng tồn kho đạt mức 9,04 tỷ đồng, trong đó nguyên vật liệu chủ yếu là vật tư chuyên ngành cấp thoát nước.

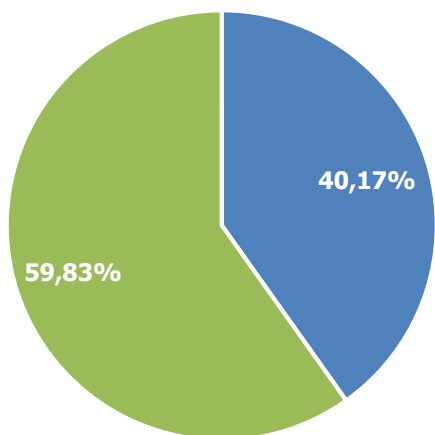


**Tình hình nợ phải trả**

Chỉ tiêu	01/01/2016 - 06/12/2016	07/12/2016 - 31/12/2017	Tỷ trọng 01/01/2016 - 06/12/2016	Tỷ trọng 07/12/2016 - 31/12/2017
Nợ ngắn hạn	82.483	59.627	40,17%	35,82%
Nợ dài hạn	122.828	106.855	59,83%	64,18%
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>205.311</b>	<b>166.482</b>	<b>100,00%</b>	<b>100,00%</b>

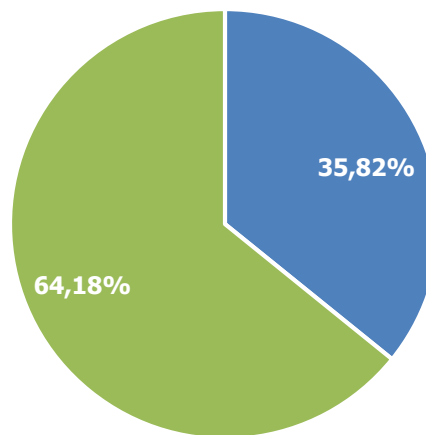
Lưu ý: "Số liệu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 07 tháng 12 năm 2016" là số liệu không tròn tháng nên không có tính so sánh với số liệu từ 07/12/2016 đến 31/12/2017. Do đó, số liệu so sánh chỉ mang tính chất tham khảo.

**01/01/2016 - 06/12/2016**



■ Nợ ngắn hạn ■ Nợ dài hạn

**07/12/2016 - 31/12/2017**



■ Nợ ngắn hạn ■ Nợ dài hạn

Công ty sử dụng chủ yếu là các khoản vay dài hạn, nhằm bổ sung nguồn vốn phục vụ cho dự án Nhà máy cấp nước Duyên Hải, Nhà máy cấp nước đô thị Tiểu Cần – Cầu Quan và các công trình lắp đặt tuyến ống nước tại địa bàn TP Trà Vinh và các chi nhánh . Theo đó, nợ vay ngắn hạn và nợ vay dài hạn tại thời điểm 31/12/2017 của Công ty lần lượt chiếm 35,82% và 64,18% trên tổng nợ phải trả..



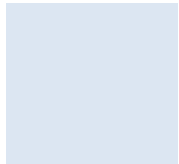
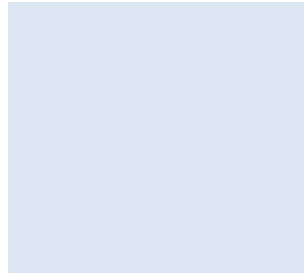
## NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Trong năm đầu tiên hoạt động theo hình thức công ty cổ phần đăng ký giao dịch Upcom, TRAWACO đã phần nào nắm bắt được việc hoạt động và quản lý Công ty theo các quy định. Hệ thống quy chế quản trị, quản lý nội bộ, Điều lệ tổ chức hoạt động công ty dần được hoàn thiện, tạo được nền tảng để tổ chức các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công ty đang dần hoàn thiện và ổn định hoạt động của các phòng ban Kế hoạch và Bộ phận nghiên cứu phát triển, phân chia rõ ràng mục đích, hiệu quả và chức năng của từng bộ phận theo đúng chuyên môn và nghiệp vụ.

Trong công tác quản lý nguồn nhân lực, lựa chọn những lao động chất lượng cao, thực hiện việc phân công đúng người đúng việc, không có tình trạng lao động nhàn rỗi dẫn đến tổn hao chi phí quản lý Công ty. Ngoài ra, để tạo động lực cho người lao động tích cực hoạt động sản xuất, cống hiến ngày càng nhiều cho công ty, TRAWACO cũng đặt ra những tiêu chuẩn khen thưởng trong công việc, khen thưởng những cá nhân, tập thể có kết quả lao động xuất sắc, hiệu quả, sáng tạo; thêm vào đó, chú trọng mối quan hệ hợp tác, liên kết, đồng bộ giữa các phòng ban để nhanh chóng giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan và tạo điều kiện gắn kết các nhân viên với nhau và với Công ty.





## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Căn cứ tốc độ phát triển của thị trường tiêu thụ và năng lực sản xuất của Công ty cũng như dự báo về diễn biến sắp tới của nền kinh tế trong và ngoài nước, Ban điều hành xây dựng các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trong năm 2018 như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện 7/12/2016- 31/12/2017	Kế hoạch năm 2018	So sánh 2018/2017 (%)
1	Nước sản xuất	m <sup>3</sup>	11.762.105	11.680.500	99,31
2	Nước tiêu thụ	m <sup>3</sup>	10.434.079	10.325.000	98,95
3	Tổng doanh thu	Triệu	88.187	88.625	100,50
	- Doanh thu Nước máy	"	81.032	81.725	100,86
	- Doanh thu Xây lắp	"	1.551	1.500	96,71
	- Doanh thu thoát nước	"	4.571	4.800	105,01
	- Doanh thu KD	"	503	300	59,64
	- DT HĐ tài chính + TN khác	"	530	300	56,60
4	Tổng chi phí	Triệu	75.413	76.025	100,81
5	Lợi nhuận trước thuế	Triệu	12.774	12.600	98,64
6	Thuế TNDN	Triệu	2.573,5	2.520	97,92
7	Lợi nhuận sau thuế	Triệu	10.200,5	10.080	98,82
8	Thu nhập bình quân người lao động/tháng.	Đồng	Trên 7.000.000 đồng/tháng		



## **Các biện pháp thực hiện**

### ***Công tác lãnh đạo, quản lý điều hành***

- Triển khai thực hiện dự án nhà máy cung cấp nước sạch Duyên Hải và Tiểu Cần – Cầu Quang.
- Tiếp tục thực hiện công tác chống thất thoát nước. Triển khai chương trình quản lý mạng lưới cấp nước.
- Triển khai thực hiện cấp nước an toàn.



### ***Công tác khoa học kỹ thuật và nghiên cứu phát triển***

- Công ty đã đưa vào vận hành nhiều giải pháp công nghệ, nhiều máy móc loại mới; đây là yếu tố then chốt giúp TRAWACO tiếp tục phát triển một cách bền vững trong môi trường đòi hỏi công nghệ hóa, hiện đại hóa như hiện nay.
- Công tác kỹ thuật, sửa chữa khoa học được vận dụng khá hiệu quả, nhất là khi doanh nghiệp chuyên sử dụng máy móc và thiết bị để sản xuất. Công ty đã hạn chế được tối đa các lỗi thiết bị, hư hỏng máy móc.



### ***Công tác quản lý chất lượng***

- Liên hệ, phối hợp các phòng chức năng với các Nhà máy trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác quản lý chất lượng trên cơ sở làm việc nhóm triệt để, xử lý nhanh và dứt điểm các sự cố về chất lượng, đảm bảo chất lượng sản phẩm tăng và giảm thiểu hư hỏng. Tuy nhiên, vẫn chú trọng hình thức bên ngoài của sản phẩm để tăng tính cạnh tranh trên thị trường.
- Công tác bảo quản, lưu giữ hóa chất xử lý nước luôn được quan tâm và cải tiến liên tục đảm bảo luôn trong tình trạng tốt nhất.



## BÁO CÁO VỀ TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Trong năm qua, Công ty đã thực hiện tốt các quy định về xử lý chất thải và bảo vệ môi trường môi trường, vận động các cán bộ công nhân viên thực hiện dọn vệ sinh nơi làm việc, tạo môi trường làm việc trong lành, làm nên một nếp sống văn minh trong mỗi cá nhân người lao động.

Bên cạnh đó, Công ty còn thực hiện trồng cây xanh quanh nơi làm việc nhằm tạo thêm mảng xanh nơi làm việc, góp phần tạo tâm lý thoải mái cho người lao động. Các chất thải sinh hoạt và sản xuất luôn được kiểm soát và có biện pháp xử lý phù hợp để không gây ảnh hưởng đến con người cũng như môi trường xung quanh.

Do đặc thù của ngành cấp nước là khai thác, sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt nên chất thải nguy hại gần như không đáng kể. Tuy nhiên, Công ty vẫn có những quy định để xử lý những loại chất thải này. Các chất thải nguy hại chủ yếu là giẻ lau dính nhớt trong quá trình sửa chữa sự cố máy bơm và các bóng đèn huỳnh quang bị hư. Các chất thải nguy hại này đều được tập trung vào một chỗ tại Nhà máy để tìm đơn vị thu gom và xử lý.

Công ty cũng thường xuyên tổ chức những buổi công tác xã hội, đền ơn đáp nghĩa nhằm đóng góp một phần vào sự phát triển của xã hội, chăm lo đời sống cho những mảnh đời bất hạnh, những người đã có công với đất nước trong các cuộc chiến tranh trên toàn đất nước; thể hiện thái độ tốt và trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương mà công ty đang hoạt động kinh doanh, đặc biệt là khu vực cộng đồng gần nơi khai thác.





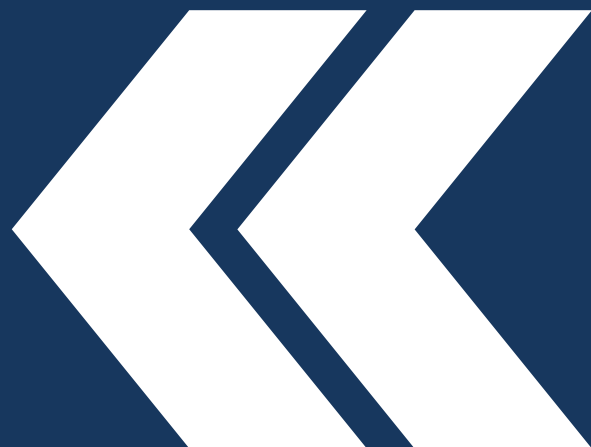


# **BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Về các mặt hoạt động của Công ty

Về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



## **VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

- Năm 2017 là năm thứ 2 Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm của Công ty luôn ổn định, đảm bảo phục vụ cấp nước kịp thời, đầy đủ cho các khách hàng hiện hữu, đồng thời mở rộng, tìm kiếm các khách hàng tiềm năng.
  - Cổ phần hóa giúp Công ty có nhiều chủ sở hữu, tạo điều kiện để các nhà đầu tư tư nhân thực sự muốn góp phần làm cho Công ty tốt hơn có cơ hội góp vốn và đưa ra các đề xuất về định hướng, chiến lược nhằm giúp Công ty ngày càng phát triển.
  - Khi đã trở thành cổ đông, quyền lợi và trách nhiệm của tất cả nhà đầu tư sẽ luôn gắn chặt với sự tồn tại và phát triển của Công ty, do vậy họ có trách nhiệm với Công ty hơn. Từ đó kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty mới đạt hiệu quả cao nhất.
- 
- Bộ máy quản lý của Công ty được bố trí gọn nhẹ thực sự là đại diện cho cổ đông. Mọi hoạt động của công ty được tiến hành theo điều lệ và quy chế quản trị của Công ty. Từng bước rà soát lại và xây dựng quy chế tài chính, lao động, tuyển dụng; xác định rõ trách nhiệm, quyền hạn của ban lãnh đạo và cổ đông, tổ chức hợp lý các bộ phận kinh doanh. Xây dựng chiến lược đầu tư nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả SXKD của Công ty.
  - Công ty tập trung nguồn lực mở rộng mạng lưới cấp nước, phát triển khách hàng nhằm tăng doanh thu, lợi nhuận. Chú trọng chất lượng nước. Từng bước ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến vào quản lý sản xuất kinh doanh.

## **VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện chỉ đạo và giám sát chặt chẽ đối với Ban Tổng Giám đốc, nhờ đó làm tăng hiệu quả hoạt động cũng như trách nhiệm làm việc của Ban Tổng Giám đốc. Hoàn thành báo cáo và công bố thông tin đúng thời hạn Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017, Báo cáo thường niên năm 2017, Báo cáo tài chính Quý I năm 2018.

Hội đồng quản trị thường xuyên duy trì việc giám sát Tổng giám đốc thông qua kiểm tra tình hình thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị và chất vấn tại các phiên họp; liên tục đồng bộ và triển khai quản lý, chỉ đạo các hoạt động để Ban quản lý Công ty có thể thực hiện sát sao các lộ trình sản xuất và kinh doanh trong năm. Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị cũng thống nhất việc chỉ đạo linh hoạt, hợp lý, cho phép các ý kiến chủ động sáng tạo của người điều hành nếu nhận thấy sự hợp lý và giá trị mà các phương pháp đó mang lại.

## CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2018:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018
1	Doanh thu	Tỷ đồng	88,63
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	10,08

### Các biện pháp hoàn thành kế hoạch:

Xác định năm 2018 sẽ là một năm có nhiều cơ hội và thách thức đối với hoạt động kinh doanh của Công ty. Vì vậy, Hội đồng quản trị quyết tâm tập trung mọi nguồn lực để tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo hoạt động, bảo đảm thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty năm 2018. Hội đồng quản trị luôn quan tâm đến các chỉ tiêu cơ bản như doanh thu, lợi nhuận, cổ tức, lương và các chế độ của CBCNV Công ty, bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho các cổ đông. Hội đồng quản trị xác định một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác quản trị trong năm 2018 như sau:

- **Công tác quản trị**

- Tiếp tục nâng cao công tác quản trị Công ty theo chuẩn quốc tế, ứng dụng các công cụ quản trị hiện đại;
- Nâng cao vai trò quản trị và kiểm soát rủi ro trong quản trị tài chính, kế toán kiểm toán, quản lý rủi ro doanh nghiệp;
- Tiếp tục nâng cao tính minh bạch trong hoạt động của doanh nghiệp, nâng cao vai trò của thành viên HĐQT;
- Tăng cường việc đào tạo quản trị công ty cho các thành viên trong HĐQT, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát.

- **Về thị trường:** Đẩy mạnh các hoạt động đấu thầu nhằm tìm kiếm, mở rộng thị phần. Thực hiện tốt chính sách chất lượng đối với khách hàng để duy trì và phát triển thương hiệu.





**Các biện pháp hoàn thành kế hoạch:**

- **Về khoa học công nghệ:** Đẩy mạnh phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật, đổi mới công nghệ trong công tác cung cấp nước nhằm tiết giảm chi phí và tạo ra nhiều doanh thu, lợi nhuận. Thường xuyên cập nhập, nghiên cứu, áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ trên thế giới.
- **Về đầu tư:** Đầu tư phát triển và hoàn thiện hệ thống các chi nhánh trực thuộc, tiếp tục đầu tư các thiết bị chuyên ngành hiện đại, mang tính đổi mới công nghệ. Thông qua việc đầu tư để tiếp cận được những phương tiện, thiết bị hiện đại theo hướng phát triển của khoa học kỹ thuật tiên tiến trên thế giới, đồng thời cũng đào tạo được đội ngũ cán bộ lành nghề, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.
- **Về tài chính:** Quản lý vốn đầu tư theo hướng trách nhiệm hiệu quả, luôn đảm bảo dòng tiền ổn định cho hoạt động kinh doanh. Tập trung tiết kiệm chống lãng phí, quản lý chi phí theo từng chỉ tiêu được phê duyệt trong kế hoạch.
- **Về kỹ thuật:** Công ty không ngừng tăng cường hỗ trợ kiểm tra quản lý mạng, điều tiết áp lực, lưu lượng, tiếp tục ứng dụng khoa học công nghệ đầu tư ứng dụng công nghệ tự động hóa giảm chi phí nhân công trực tiếp tăng hiệu quả quản lý và hiệu quả kinh tế của doanh nghiệp. Đầu tư trang thiết bị, đào tạo nguồn nhân lực cho công tác chống thất thoát nước sạch nhằm giảm thất thoát toàn bộ hệ thống cấp nước, đặc biệt xác định đúng nhu cầu về áp lực, lưu lượng từng tuyến ống để điều phối hợp lý.
- **Về nguồn nhân lực:** Tổ chức đào tạo nâng cao chất lượng trình độ đội ngũ Cán bộ Công nhân viên đảm bảo yêu cầu công việc, tổ chức sắp xếp lại bộ máy đảm bảo hoạt động hiệu quả. Xây dựng đội ngũ nhân sự vừa có năng lực chuyên môn vừa có tác phong chuyên nghiệp để hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao. Đồng thời, chú trọng công tác đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn vệ sinh lao động. Giữ vững an ninh trật tự, đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ tại địa bàn hoạt động.

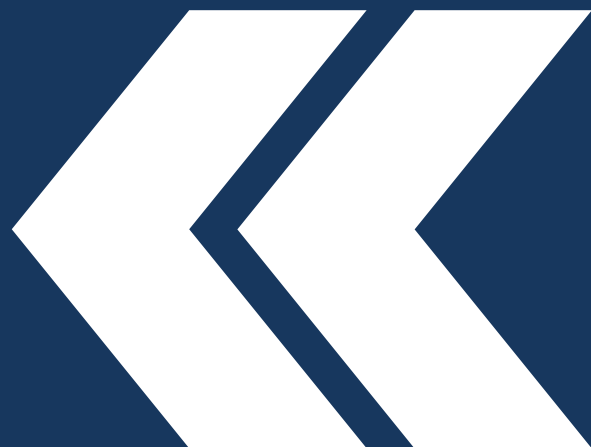


# QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Tại thời điểm 31/12/2017

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ Không còn là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Trương Công Chiếm	Chủ tịch HĐQT	7/12/2016	9	100	
2	Nguyễn Như Bình	Thành viên HĐQT điều hành	7/12/2016	9	100	
3	Nguyễn Văn Quý	Thành viên HĐQT điều hành	7/12/2016	9	100	
4	Trương Hoàng Diệp	Thành viên HĐQT điều hành	7/12/2016	9	100	
5	Huỳnh Văn Nhàn	Thành viên HĐQT không điều hành	7/12/2016	9	100	

### Lý lịch các thành viên Hội đồng quản trị

**Nguyễn Như Bình -Thành viên HĐQT điều hành:** Đã trình bày ở Phần Lý lịch Ban Điều hành

**Nguyễn Văn Quý - Thành viên HĐQT điều hành:** Đã trình bày ở Phần Lý lịch Ban Điều hành

**Trương Hoàng Diệp -Thành viên HĐQT điều hành:** Đã trình bày ở Phần Lý lịch Ban Điều hành

**Lý lịch các thành viên Hội đồng quản trị**

**Trương Công Chiếm - Chủ tịch HĐQT**

Ngày tháng năm sinh:	21/09/1964
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 05/1984-09/1989: Nhân viên tại ban Nông nghiệp TX Trà Vinh.</li> <li>- Từ 01/1990-09/1992: Tổ trưởng tổ thuế nông nghiệp Chi cục thuế Trà Vinh</li> <li>- Từ 10/1992-07/1995: Sinh viên Trường Đại học Tài chính TP HCM.</li> <li>- Từ 07/1995-05/1996: Kiểm soát viên phòng thuế Nông nghiệp Cục thuế tỉnh Trà Vinh</li> <li>- Từ 06/1996-09/1997: Phó phòng tại Phòng thuế NN cục thuế Trà Vinh.</li> <li>- Từ 10/1997-10/1998: Trưởng phòng tại Phòng thuế NN cục thuế Trà Vinh.</li> <li>- Từ 10/1998-01/2003: Trưởng phòng tại Phòng thu quốc doanh Cục thuế Trà Vinh.</li> <li>- Từ 02/2003-03/2006: Trưởng phòng tại Phòng Quản lý doanh nghiệp Cục thuế Trà Vinh.</li> <li>- Từ 04/2006-06/2007: Chi cục trưởng tại Chi cục thuế Cầu Ngang</li> <li>- Từ 07/2007-03/2008: Trưởng phòng tại Phòng thanh tra Cục thuế Trà Vinh</li> <li>- Từ 04/2008-02/2010: Trưởng phòng tại Phòng Quản lý nợ Cục thuế Trà Vinh</li> <li>- Từ 03/2010-11/2016: Phó Giám đốc tại Sở Tài chính tỉnh Trà Vinh</li> <li>- Từ 12/2016 – nay: Chủ tịch HĐQT tại Công ty CP Cấp thoát nước Trà Vinh</li> </ul>

Các chức vụ công tác hiện nay tại công ty	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Số CP nắm giữ hiện tại	4.136.815 CP tương đương 28,34% VDL
✓ Đại diện sở hữu (đại diện sở hữu vốn Nhà nước cho UBND tỉnh Trà Vinh):	4.136.815 CP , tương đương 28,34% VDL
✓ Cá nhân sở hữu:	0 CP tương đương 0,0% VDL

**Huỳnh Văn Nhân - Thành viên Hội đồng quản trị**

Ngày tháng năm sinh: 15/12/1966

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

- Từ 02/1995-04/1996: Phó Quản đốc tại Xí nghiệp Nhựa Tân Tiến.
- Từ 05/1996-05/1997: Trưởng ban kế hoạch tại Công ty SXKD XNK nhựa Tân Tiến
- Từ 06/1997-07/2001: Phó Giám đốc tại Xí nghiệp Nhựa Tân Tiến.
- Từ 07/2001-09/2002: Phó Giám đốc tại Công ty SXKD XNK Nhựa Tân Tiến.
- Từ 10/2002-05/2006: Phó Giám đốc Thường trực tại Công ty CP Nhựa Tân Tiến.
- Từ 06/2006 – nay: Chủ tịch HĐQT Kiểm Tổng Giám đốc tại Công ty CP Nhựa Tân Tiến
- Từ 12/2016 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Cấp thoát nước Trà Vinh.

Các chức vụ công tác hiện nay tại công ty

Thành viên HĐQT Công ty CP Cấp thoát nước Trà Vinh.

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nước và Môi trường Đồng Bằng.
- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nước và Môi trường Khánh An.
- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cấp thoát Nước và Xây dựng Đức Trọng.
- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nước và Môi trường Đông Hải.
- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nước và Môi trường Duyên Hải.
- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nước và Môi trường Cửu Long.
- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nước và Môi trường Bình Tân.
- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nước và Môi trường Cần Đước.
- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Công Trình Đô thị Cần Giuộc.
- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nước và Môi trường Thạnh Lộc Kiên Giang.
- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nước và Môi trường Quốc Việt

Số CP nắm giữ hiện tại 1.459.854 cổ phần tương đương 10,00%

✓ Đại diện sở **hữu vốn**  
*Công ty CP Nước & Môi trường Đồng Bằng* 1.459.854 CP tương đương 10,00% VDL

✓ Cá nhân sở hữu: 0 CP tương đương 0,0% VDL



**Các Nghị quyết/Quyết định**

STT	20/NQ-HĐQT	02/08/2017	Nghị quyết HĐQT quý 3/2017
1	22/NQ-HĐQT	18/08/2017	Nghị quyết V/V vay vốn và dùng tài sản của Công ty để đảm bảo tiền vay tại quỹ Đầu tư phát triển Trà Vinh
2	37/NQ-HĐQT	24/10/2017	Nghị quyết nhiệm vụ thực hiện trong quý 4/2017
3	45/NQ-HĐQT	29/12/2017	Nghị quyết họp HĐQT đột xuất ngày 29/12/2017
4	01/QĐ-HĐQT	03/04/2017	Về việc phê duyệt KHSXKD năm 2017
5	02/QĐ-HĐQT	04/04/2017	Về việc ban hành quy chế hoạt động HĐQT Công ty Cp CTNTV
6	03/QĐ-HĐQT	22/05/2017	Về việc ban hành quy chế dân chủ ở cơ sở trong Công ty CP cấp thoát nước Trà Vinh
7	04/QĐ-HĐQT	28/08/2017	Về việc ban hành quy chế dân tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm Công ty CP cấp thoát nước Trà Vinh
8	05/QĐ-HĐQT	30/08/2017	Về việc thành lập ban chỉ đạo cấp nước an toàn, chống thất thu nước sạch của Công ty CP cấp thoát nước Trà Vinh
9	06/QĐ-HĐQT	31/08/2017	Về việc v/v giải ngân các nhà thầu DACN Duyên Hải
10	07/QĐ-HĐQT	11/09/2017	Về việc chọn cty kiểm toán độc lập kiểm toán dự án xử lý cặn vôi
11	08/QĐ-HĐQT	06/10/2017	Về việc ban hành quy chế quản lý tài chính của Công ty CP cấp thoát nước Trà Vinh
12	10/QĐ-HĐQT	12/10/2017	Về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty CP cấp thoát nước Trà Vinh
13	11/QĐ-HĐQT	13/10/2017	Về việc ban hành quy chế đào tạo nguồn nhân lực của Công ty CP cấp thoát nước Trà Vinh
14	12/QĐ-HĐQT	12/10/2017	Về việc ban hành quy chế thi đua khen thưởng của Công ty CP cấp thoát nước Trà Vinh

**Các Nghị quyết/Quyết định**

<b>STT</b>	<b>Số Nghị quyết/ Quyết định</b>	<b>Ngày ban hành</b>	<b>Nội dung</b>
15	13/QĐ-HĐQT	20/10/2017	Về việc ban hành quy chế trả lương người lao động của Công ty CP cấp thoát nước Trà Vinh
16	14/QĐ-HĐQT	31/10/2017	v/v đầu tư xây dựng hệ thống xử lý chất lượng nước của nhà máy cấp nước TP Trà Vinh công suất 18.000m <sup>3</sup> /ngày đêm.
17	15/QĐ-HĐQT	06/11/2017	Về việc thành lập hội đồng tiền lương của Công ty
18	01/QĐ-HĐQT	03/04/2017	Về việc phê duyệt KHSXKD năm 2017
19	20/QĐ-HĐQT	15/11/2017	Về việc ban hành quy chế quản trị nội bộ của Công ty CP cấp thoát nước Trà Vinh
20	21/QĐ-HĐQT	15/11/2017	Về việc ban hành quy chế quy hoạch bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ.... của Công ty CP cấp thoát nước Trà Vinh
21	22/QĐ-HĐQT	15/11/2017	Về việc thành lập tiểu ban tổng hợp giúp việc HĐQT
22	29/QĐ-HĐQT	29/12/2017	Về việc giao nhiệm vụ điều hành công ty
23	30/QĐ-HĐQT	29/12/2017	Về việc miễn nhiệm chức danh kế toán trưởng Công ty
24	31/QĐ-HĐQT	29/12/2017	Về việc bổ nhiệm chức danh kế toán trưởng công ty
25	37/NQ-HĐQT	24/10/2017	Nghị quyết nhiệm vụ thực hiện trong quý 4/2017
26	45/NQ-HĐQT	29/12/2017	Nghị quyết họp HĐQT đột xuất ngày 29/12/2017



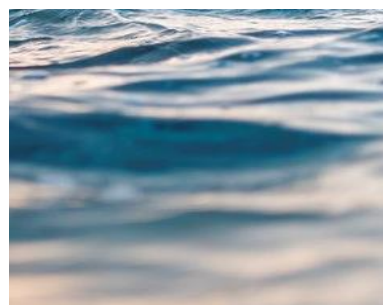




## BAN KIỂM SOÁT

### Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ Không còn là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Nghiêm Ngọc Tiên	Trưởng Ban	7/12/2016	04	100%	
2	Lê Thị Thùy Trang	Thành viên	7/12/2016	04	100%	
3	Trần Diệp Xuân	Thành viên	7/12/2016	04	100%	



## Lý lịch của các thành viên Ban kiểm soát

<b>Nghiêm Ngọc Tiên – Trưởng Ban Kiểm soát</b>	
Ngày tháng năm sinh:	06/03/1965
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 03/1985 – 709/1985: Kế toán trưởng tại Hợp tác xã mua bán phường 1, TX Trà Vinh.</li> <li>- Từ 1996-1997: Trưởng Ban tài chính tại UBND phường 1, TX Trà Vinh.</li> <li>- Từ 1998/2003: Phó phòng tại Phòng Tài chính - Kế hoạch TP Trà Vinh.</li> <li>- Từ 2004-2010 : Trưởng phòng tại Phòng Tài chính - Kế hoạch TP Trà Vinh.</li> <li>- Từ 2011-11/2016: Trưởng phòng Quản lý giá &amp; Công sản tại Sở Tài chính Trà Vinh.</li> <li>- Từ 12/2016 đến nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh.</li> </ul>
Các chức vụ công tác hiện nay tại công ty	Trưởng Ban kiểm soát
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Số CP nắm giữ hiện tại	0
✓ Đại diện sở hữu:	0
✓ Cá nhân sở hữu:	0

---

**Lê Thị Thùy Trang - Thành viên Ban Kiểm soát**

---

Ngày tháng năm sinh: 24/10/1987

---

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

---

Quá trình công tác:

- Từ 2011-2015: Nhân viên Kế toán tại Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh.
- Từ 2016 đến nay: Kế toán Chi nhánh Xây lắp – Dịch vụ
- Từ 12/2016 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát tại Công ty cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh.

---

Các chức vụ công tác hiện nay tại công ty Thành viên Ban Kiểm soát

---

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

---

Số CP nắm giữ hiện tại 400 CP tương đương 0,003%VĐL

---

Đại diện sở hữu: 0

---

Cá nhân sở hữu: 400 CP tương đương 0,003%VĐL

---



**Trần Diệp Xuân - Thành viên Ban Kiểm soát**

Ngày tháng năm sinh:	24/03/1985
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 2008-2012: Kế toán viên tại Công ty sản xuất vật tư ngành in Mỹ Lan.</li> <li>- Từ 2013 đến nay: Kế toán Trưởng Công ty sản xuất vật tư ngành in Mỹ Lan.</li> <li>- Từ 12/2016 đến nay: Thành viên Ban kiểm tại Công ty cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh</li> </ul>
Các chức vụ công tác hiện nay tại công ty	- Thành viên Ban Kiểm soát
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Kế toán Trưởng tại Công ty sản xuất vật tư ngành in Mỹ Lan
Số CP nắm giữ hiện tại	0
✓ Đại diện sở hữu:	0
✓ Cá nhân sở hữu:	0

**Hoạt động của Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát đã thực hiện công tác kiểm soát theo Điều lệ của Công ty, kiểm soát thường xuyên các hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua hồ sơ, tài liệu, chứng từ, tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty và đưa ý kiến của Ban Kiểm soát về các chủ trương, kế hoạch, thực hiện sản xuất kinh doanh, tài chính, công bố các thông tin theo quy định, cụ thể:

- Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Hội đồng quản trị và Ban điều hành.
- Xem xét, thẩm định các báo cáo tổng kết tài chính, kinh doanh do Ban Tổng giám đốc và các bộ phận liên quan thực hiện.
- Kiểm soát quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản.
- Kiểm soát việc xây dựng và thực hiện các quy chế, quy định nội bộ của Công ty.
- Kiểm soát việc xây dựng phương án và phân phối lợi nhuận năm 2017.
- Kiểm soát việc công bố thông tin theo quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán và các quy định của pháp luật.

## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

### Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Họ và tên	Chức danh	Thù lao	Lương	Thưởng
<b>Hội đồng quản trị</b>				
Trương Công Chiếm	Chủ tịch HĐQT		299.046.400	26.000.000
Nguyễn Như Bình	Thành viên HĐQT điều hành		286.250.000	25.000.000
Nguyễn Văn Quý	Thành viên HĐQT điều hành		251.900.000	22.650.000
Trương Hoàng Diệp	Thành viên HĐQT điều hành		251.900.000	22.000.000
Huỳnh Văn Nhân	Thành viên HĐQT không điều hành	49.800.000		9.000.000
<b>Ban kiểm soát</b>				
Nghiêm Ngọc Tiên	Trưởng Ban		252.960.000	22.000.000
Lê Thị Thuỳ Trang	Thành viên	27.200.000		5.000.000
Trần Diệp Xuân	Thành viên	33.200.000		6.000.000
<b>Ban điều hành</b>				
Nguyễn Như Bình	Tổng giám đốc		286.250.000	25.000.000
Nguyễn Văn Quý	Phó Tổng giám đốc		251.900.000	22.650.000
Trương Hoàng Diệp	Phó Tổng giám đốc		299.046.400	26.000.000
Đặng Thị Bích Thủy	Kế toán trưởng		286.250.000	25.000.000

**Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ**

Không có

**Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ**

Không có

**Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty**

Công ty cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh luôn tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định pháp luật và quy định nội bộ về quản trị công ty.







# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Tại 31/12/2017 VND</b>	<b>Tại 07/12/2016 VND</b>
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>23.657.733.120</b>	<b>59.021.386.298</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>4.963.426.489</b>	<b>37.577.722.756</b>
Tiền	111		4.644.503.592	37.260.509.382
Các khoản tương đương tiền	112		318.922.897	317.213.374
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>9.522.306.662</b>	<b>11.729.349.937</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	9.248.329.708	7.734.092.838
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	69.598.348	2.301.482.783
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	325.041.874
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	1.101.984.947	1.368.672.336
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn	137	7&8	(897.735.416)	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		129.075	60.106
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>8.782.083.099</b>	<b>9.045.539.996</b>
Hàng tồn kho	141		9.041.526.446	9.045.539.996
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(259.443.347)	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>389.916.869</b>	<b>668.773.609</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15	-	12.577.752
Thuế GTGT được khấu trừ	152		225.794.691	459.052.204
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	164.122.178	197.143.653
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>306.563.232.577</b>	<b>298.308.110.725</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2.025.012.990</b>	<b>2.174.926.356</b>
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213	10	2.025.012.990	2.174.926.356
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>282.533.930.526</b>	<b>256.778.500.779</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	279.412.532.170	254.382.657.812
- Nguyên giá	222		385.285.459.369	341.982.670.312
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(105.872.927.199)	(87.600.012.500)
Tài sản cố định vô hình	227	12	3.121.398.356	2.395.842.967
- Nguyên giá	228		3.399.241.994	2.581.379.729
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(277.843.638)	(185.536.762)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>6.725.812.550</b>	<b>25.492.816.885</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	6.725.812.550	25.492.816.885
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>3.000.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	14	3.000.000.000	3.000.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>12.278.476.511</b>	<b>10.861.866.705</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	12.278.476.511	10.861.866.705
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>330.220.965.696</b>	<b>357.329.497.023</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2017	Tại 07/12/2016
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>166.482.198.932</b>	<b>205.311.259.996</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>59.627.595.391</b>	<b>82.482.717.925</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	2.775.207.314	2.230.790.817
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	2.238.916.539	829.112.861
Phải trả người lao động	314	18	7.450.065.033	6.062.856.619
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	7.662.305.228	18.939.550.324
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	22.001.303.020	40.414.827.511
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	16.740.000.000	9.040.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	759.798.257	4.965.579.793
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>106.854.603.541</b>	<b>122.828.542.071</b>
Phải trả dài hạn khác	337	20	195.110.299	86.621.679
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	106.659.493.242	122.741.920.392
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>163.738.766.764</b>	<b>152.018.237.027</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>23</b>	<b>163.738.766.764</b>	<b>152.018.237.027</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		145.978.600.000	145.978.600.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		7.559.534.174	6.039.637.027
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.200.632.590	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		10.200.632.590	-
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>330.220.965.696</b>	<b>357.329.497.023</b>



Nguyễn Văn Quý  
 Phó Tổng Giám Đốc  
 Trà Vinh, ngày 29 tháng 03 năm 2018

Đào Thiện Duyên  
 Kế toán trưởng

Lê Thị Thùy Trang  
 Người lập biểu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 07/12/2016	Từ 01/01/2016
			đến 31/12/2017	đến 06/12/2016
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		87.667.790.029	62.239.982.145
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		11.139.909	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	25	87.656.650.120	62.239.982.145
Giá vốn hàng bán	11	26	51.328.792.561	41.328.616.810
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		36.327.857.559	20.911.365.335
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	331.877.128	788.745.744
Chi phí tài chính	22	28	1.103.385.988	1.466.075.385
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.103.385.988	1.466.075.385
Chi phí bán hàng	25	29	9.814.649.926	5.787.672.688
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	13.031.378.794	9.553.265.319
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.710.319.979	4.893.097.687
Thu nhập khác	31	30	198.013.848	143.732.943
Chi phí khác	32	31	134.201.052	114.472.674
Lợi nhuận khác	40		63.812.796	29.260.269
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.774.132.775	4.922.357.956
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	2.573.500.185	899.210.679
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10.200.632.590	4.023.147.277
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	699	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	34	699	-



Nguyễn Văn Quý

Phó Tổng Giám Đốc

Trà Vinh, ngày 29 tháng 03 năm 2018

Đào Thiện Duyên

Kế toán trưởng

Lê Thị Thùy Trang

Người lập biểu



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 07/12/2016	Từ 01/01/2016
			đến 31/12/2017	đến 06/12/2016
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		12.774.132.775	4.922.357.956
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		18.365.221.575	14.590.944.295
Các khoản dự phòng	03		1.157.178.763	-
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(324.123.117)	(784.473.475)
Chi phí lãi vay	06		1.103.385.988	1.466.075.385
Các điều chỉnh khác	07		-	23.015.464
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08		33.075.795.984	20.217.919.625
Giảm các khoản phải thu	09		4.466.751.926	103.545.847.119
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10		(7.128.918.574)	(2.436.156.675)
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(26.654.597.816)	16.804.589.904
(Tăng) chi phí trả trước	12		(1.191.316.782)	(4.821.533.675)
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.011.715.795)	(1.411.632.628)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.604.374.231)	(1.862.871.289)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		1.768.246.575	24.732.800.511
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(7.431.281.591)	(1.572.472.610)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		(6.711.410.304)	153.196.490.282
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(17.852.335.941)	(152.597.185.062)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		331.877.128	788.745.744
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		(17.520.458.813)	(151.808.439.318)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017*

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 07/12/2016	Từ 01/01/2016
			đến 31/12/2017	đến 06/12/2016
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	5.255.622.969
Tiền thu từ đi vay	33		2.557.572.850	22.092.499.938
Tiền trả nợ gốc vay	34		(10.940.000.000)	(2.468.000.384)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(8.382.427.150)</b>	<b>24.880.122.523</b>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(32.614.296.267)	26.268.173.487
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	37.577.722.756	11.309.549.269
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	<u>4.963.426.489</u>	<u>37.577.722.756</u>



*(Signature)*  
Nguyễn Văn Quý

Phó Tổng Giám Đốc

Trà Vinh, ngày 29 tháng 03 năm 2018

*(Signature)*

Đào Thiện Duyên

Kế toán trưởng

*(Signature)*

Lê Thị Thùy Trang

Người lập biểu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN.**

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh (sau đây gọi tắt là “Công ty”), tiền thân là Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2100119570 đăng ký lần đầu ngày 28/12/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp. Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 2100119570 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Trà Vinh cấp ngày 07/12/2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại số 521B Nguyễn Chí Thanh, Phường 6, Tp. Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh.

Vốn điều lệ của Công ty trên Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp là 145.978.600.000 đồng (bằng chữ: Một trăm bốn mươi lăm tỷ chín trăm bảy mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn).

Tổng số lao động tại ngày 31/12/2017 là 194 người

Công ty chính thức trở thành Công ty đại chúng theo công văn số 1892/UBCK-GSĐC ngày 12/04/2017 của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.

**1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất kinh doanh nước sạch và nước máy phục vụ sinh hoạt của đô thị.

**1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH**

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận của Công ty bao gồm:

- Sản xuất kinh doanh nước sạch và nước máy phục vụ sinh hoạt của đô thị;
- Khoan khai thác nước ngầm;
- Hệ thống thoát nước công ích trên địa bàn thành phố Trà Vinh;
- Quản lý và xây lắp các hệ thống cấp nước;
- Kinh doanh vật tư chuyên ngành;

Hoạt động kinh doanh chính trong năm: Sản xuất nước sạch và nước máy.

**1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất kinh doanh nước sạch và nước máy phục vụ sinh hoạt đô thị. Theo đó, chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là ngắn ngày và quay vòng thường xuyên, liên tục nhiều lần trong năm.

**1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất và kinh doanh nước sạch nước máy phục vụ sinh hoạt. Yếu tố chính sách về đơn giá tiền nước, thuế tài nguyên, chính sách khuyến khích ưu đãi của địa phương và của nhà nước thay đổi theo từng thời kỳ có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP**

Công ty không có công ty con.

Công ty có 05 chi nhánh và xí nghiệp trực thuộc bao gồm: Chi nhánh Cầu Ngang - Trà Cú, Chi nhánh Tiểu Cần - Cầu Kè, Chi nhánh Xây lắp - dịch vụ, Xí nghiệp Thoát nước, Xí nghiệp Cấp nước.

**1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần từ ngày 07/12/2016. Số liệu trình bày tại ngày 07/12/2016 trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 06/12/2016. Đồng thời, số liệu năm trước trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 06/12/2016 của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh, các số liệu này được trình bày nhằm mục đích cung cấp bổ sung thông tin và không hoàn toàn so sánh được do không có sự đồng nhất về kỳ kế toán. Ngoài ra, một số chỉ tiêu khác cũng không hoàn toàn có thể so sánh được bao gồm:

- Chi phí dự phòng: Công ty áp dụng khoản 1, điều 10 TT 127/2010 - BTC hướng dẫn về xử lý tài chính tại thời điểm cổ phần hoá chính thức chuyển thành Công ty cổ phần, theo đó Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến 06/12/2016 chưa được trích lập dự phòng khoản phải thu khách hàng khó đòi. Việc không trích lập dự phòng sẽ ảnh hưởng đến các chỉ tiêu Chi phí Quản lý Doanh nghiệp, Lợi nhuận sau thuế TNDN.
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu: Trong giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến 06/12/2016 công ty hoạt động dưới hình thức TNHH MTV nên 2 chỉ tiêu này không được tính toán.

**2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch hàng năm.

Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 là năm tài chính đầu tiên của Công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty TNHH kể từ ngày 07/12/2016.

**2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).





**THUYẾT MINH BAO CAO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính (“Thông tư 200”) và Thông tư 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) của Bộ Tài chính ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200.

**3.2 TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan để lập và trình bày các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến 06/12/2016, ngoại trừ một số chính sách về trích lập dự phòng như đã nêu tại mục 1.7 của Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**4.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.2 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**4.3 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng. Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ vào kỳ hạn còn lại (dưới 12 tháng hay từ 12 tháng trở lên kể từ thời điểm báo cáo) để trình bày là tài sản ngắn hạn hoặc dài hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán đánh giá khả năng thu hồi để ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm hoặc thuyết minh trên Báo cáo tài chính.

**4.4 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý.

Khi lập Báo cáo tài chính, Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.5 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**4.6 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG**

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư 200 và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

**4.7 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC.

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Phương tiện vận tải	10 - 30
Tài sản cố định khác	25

Tài sản vô hình của Công ty là phần mềm quản lý được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao là 5 năm và quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê đất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.8 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG DỒI DANG**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**4.9 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm các công cụ dụng cụ và các chi phí phục vụ sản xuất kinh doanh khác có thời hạn phân bổ không quá 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian không quá 03 năm.

**4.10 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Chi phí phải trả được ghi nhận là các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán nhưng thực tế chưa chi trả, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

**4.11 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh theo số vốn thực tế chủ sở hữu đã góp, không ghi nhận theo số cam kết, số phải thu của các chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**4.12 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU**

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.12 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)**

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

**4.13 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢP NHÀ NƯỚC**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

---

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.14 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Ghi nhận ban đầu**

**Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

**Nợ phải trả tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

**Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**4.15 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận, theo lĩnh vực kinh doanh của công ty. Báo cáo chính yếu, bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, được dựa vào cơ cấu báo cáo nội bộ và quản lý của Công ty.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.16 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Theo đó bên liên quan của Công ty là thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám Đốc của Công ty và Các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Tại 31/12/2017 VND	Tại 07/12/2016 VND
Tiền mặt	22.028.538	40.839.467
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.622.475.054	37.219.669.915
Các khoản tương đương tiền (*)	318.922.897	317.213.374
<b>Cộng</b>	<b>4.963.426.489</b>	<b>37.577.722.756</b>

(\*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tuần tại ngân hàng thương mại.

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	Tại 31/12/2017 VND	Tại 07/12/2016 VND
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>69.598.348</b>	<b>2.301.482.783</b>
- Cty TNHH Tư Vấn Xây Dựng Thương Mại Hân Minh	59.148.348	59.148.348
- Cty TNHH XD TM Cấp thoát nước	-	989.137.000
- Cty TNHH XD TM Cấp thoát nước Phương Nam - DA Trà Cú	-	968.228.000
- Công ty TNHH MTV Xây Dựng Hương Dương	-	204.709.035
- Trả trước cho người bán khác	10.450.000	80.260.400
<b>Trả trước cho người bán dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>69.598.348</b>	<b>2.301.482.783</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Tại 31/12/2017		Tại 07/12/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	9.248.329.708	(640.904.810)	7.734.092.838	-
- Công ty CP XD công trình Thủy Hà Nội-DA Lia 5,6,7	197.399.249	(64.339.860)	212.470.821	-
- Công ty CP Nam Tân	653.143.605	(483.955.462)	689.376.237	-
- Phòng Quản lý Đô thị xã Trà Vinh	110.936.000	-	725.672.000	-
- Phải thu khách hàng khác	8.484.250.103	(92.609.488)	5.992.896.394	-
<b>Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>9.248.329.708</b>	<b>(640.904.810)</b>	<b>7.734.092.838</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**8. PHẢI THU KHÁC**

	Tại 31/12/2017		Tại 07/12/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	1.101.984.947	(256.830.606)	1.368.672.336	-
- Tạm ứng	30.195.000	-	67.384.000	-
- Xí nghiệp Dịch vụ - thi công dự án LJA 10	398.344.740	(152.334.164)	398.344.740	-
- Công ty TNHH TM & DV Nguyễn Huy (Dự án Tiểu Cầu - Cầu Quan)	-	-	104.090.909	-
- Ông Huỳnh Anh Dũng	88.508.116	(88.508.116)	88.508.116	-
- Phải thu Ban QLDA	-	-	104.090.909	-
- Phải thu vốn ngân sách Nhà nước	-	-	460.534.342	-
- Chi phí nước thải	502.993.722	-	-	-
- Lãi dự thu ngân hàng	7.754.011	-	3.299.886	-
- Phải thu khác	74.189.358	(15.988.326)	142.419.434	-
<b>Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.101.984.947</b>	<b>(256.830.606)</b>	<b>1.368.672.336</b>	<b>-</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**9. HÀNG TỒN KHO**

	Tại 31/12/2017		Tại 07/12/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	8.712.596.306	(259.443.347)	8.792.371.603	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	328.930.140	-	253.168.393	-
<b>Cộng</b>	<b>9.041.526.446</b>	<b>(259.443.347)</b>	<b>9.045.539.996</b>	<b>-</b>

**10. VỐN KINH DOANH Ở CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC**

	Tại 31/12/2017	Tại 07/12/2016
	VND	VND
Vốn kinh doanh Dự Án Nhà Máy Nước	166.343.809	316.257.175
- Thị trấn Trà Cú - Chi phí BQL Dự án	49.596.861	49.596.861
- Thị trấn Cầu Kè		
- Thành phố Trà Vinh	1.809.072.320	1.809.072.320
<b>Cộng</b>	<b>2.025.012.990</b>	<b>2.174.926.356</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại 07/12/2016	72.575.953.671	53.259.926.525	205.356.856.985	7.813.779.850	2.976.153.281	341.982.670.312
- Mua sắm	-	280.650.750	4.255.828.182	-	-	4.536.478.932
- Đầu tư XDCB hoàn thành	4.174.246.746	9.618.820.894	21.623.125.977	3.350.116.508	-	38.766.310.125
Tại 31/12/2017	76.750.200.417	63.159.398.169	231.235.811.144	11.163.896.358	2.976.153.281	385.285.459.369
<b>HAO MÓN LŨY KẾ</b>						
Tại 07/12/2016	(16.765.596.807)	(17.540.200.550)	(49.211.332.318)	(3.437.373.925)	(645.508.900)	(87.600.012.500)
- Khấu hao trong năm	(3.242.008.969)	(4.710.582.026)	(9.208.433.828)	(978.348.122)	(133.541.754)	(18.272.914.699)
Tại 31/12/2017	(20.007.605.776)	(22.250.782.576)	(58.419.766.146)	(4.415.722.047)	(779.050.654)	(105.872.927.199)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại 07/12/2016	55.810.356.864	35.719.725.975	156.145.524.667	4.376.405.925	2.330.644.381	254.382.657.812
Tại 31/12/2017	56.742.594.641	40.908.615.593	172.816.044.998	6.748.174.311	2.197.102.627	279.412.532.170

Tại ngày 31/12/2017:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết còn sử dụng là: 13.978.187.357 đồng.
- Giá trị còn lại của tài sản cố định dùng để cầm cố, thế chấp các khoản vay là: 105.626.303.012 đồng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại 07/12/2016	2.356.927.759	224.451.970	2.581.379.729
- Tăng trong năm	817.862.265	-	817.862.265
Tại 31/12/2017	<u>3.174.790.024</u>	<u>224.451.970</u>	<u>3.399.241.994</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÓN</b>			
Tại 07/12/2016	(92.350.045)	(93.186.717)	(185.536.762)
- Khấu hao trong năm	(69.744.789)	(22.562.087)	(92.306.876)
Tại 31/12/2017	<u>(162.094.834)</u>	<u>(115.748.804)</u>	<u>(277.843.638)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 07/12/2016	<u>2.264.577.714</u>	<u>131.265.253</u>	<u>2.395.842.967</u>
Tại 31/12/2017	<u>3.012.695.190</u>	<u>108.703.166</u>	<u>3.121.398.356</u>

**13. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

	Tại 31/12/2017 VND	Tại 07/12/2016 VND
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-
b) Xây dựng cơ bản dở dang	6.725.812.550	25.492.816.885
<i>Mua sắm</i>	-	59.602.728
- Máy lạnh Toshiba H18BKCV-2HP	-	59.602.728
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	6.725.812.550	25.433.214.157
- Thi công tuyến ống phân phối	906.958.528	83.309.429
- Hệ thống xử lý nước thải rửa lọc Nhà máy nước Trà Vinh	-	1.503.197.719
- Dự án nâng cấp MR Hệ thống cấp nước Thị trấn Trà Cú	-	22.209.792.939
- Dự án đầu tư cấp nước xã H. Tân, C.Điền & Thị trấn Cầu Kè	3.683.652.375	1.521.106.797
- Cải tạo mở rộng nhà làm việc Công ty	-	33.475.455
- ĐTXD 12 hồ đồng hồ KV phân vùng tách	-	82.331.818
- Dự án cải tạo trạm cấp nước Cầu Kè	2.135.201.647	-
<b>Cộng</b>	<u>6.725.812.550</u>	<u>25.492.816.885</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT**

	Tại 31/12/2017			Tại 07/12/2016		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</i>						
Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Duyên Hải (*)	3.000.000.000	3.000.000.000	-	3.000.000.000	3.000.000.000	-

Khoản đầu tư với số lượng cổ phần nắm giữ là 300.000 cổ phần phổ thông, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết là 20%.

**15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Tại 31/12/2017	Tại 07/12/2016
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	-	<b>12.577.752</b>
- Chi phí của công ty cổ phần	-	12.577.752
<b>Dài hạn</b>	<b>12.278.476.511</b>	<b>10.861.866.705</b>
- Chi phí lắp đặt thủy lượng kế	5.288.450.506	5.539.454.814
- Chi phí thay thế đồng hồ nước	3.826.449.205	2.989.934.131
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	1.346.720.225	595.744.856
- Chi phí trả trước dài hạn khác	707.667.351	716.171.492
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.109.189.224	1.020.561.412
<b>Cộng</b>	<b>12.278.476.511</b>	<b>10.874.444.457</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Tại 31/12/2017		Tại 07/12/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	2.775.207.314	2.775.207.314	2.230.790.817	2.230.790.817
- Công ty TNHH Thương mại N.T.P	-	-	815.320.000	815.320.000
- Tổng công ty cơ khí giao thông vận tải Sài Gòn	2.152.000.000	2.152.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Nước Lạnh	272.437.536	272.437.536	-	-
- Công ty TNHH Tư Vấn Xây Dựng Hạ tầng Kỹ Thuật & Môi Trường Thanh Hưng	-	-	90.623.000	90.623.000
- Công ty CP đầu tư và xây dựng Việt Anh	28.835.637	28.835.637	28.835.637	28.835.637
- Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại TGC	-	-	372.955.000	372.955.000
- Viện Công Nghệ Khoan - Khai Thác	-	-	227.500.000	227.500.000
- Công ty Cổ phần Bơm Châu Âu - DA Trà Cú	-	-	200.654.330	200.654.330
- Phải trả người bán khác	321.934.141	321.934.141	494.902.850	494.902.850
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
d) Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.775.207.314</b>	<b>2.775.207.314</b>	<b>2.230.790.817</b>	<b>2.230.790.817</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Tại 07/12/2016		Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Tại 31/12/2017	
	VND	VND			VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>						
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	162.767.635		2.573.500.185	2.604.374.231	131.893.589	
- Truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước	-	54.866.927		-	54.866.927	
- Thuế thu nhập cá nhân	2.709.123		606.719.467	608.338.566	1.090.024	
- Thuế tài nguyên	290.697.250		2.979.822.000	3.036.743.250	233.776.000	
- Thuế môn bài	-		11.000.000	11.000.000	-	
- Thuế, phí, lệ phí, các khoản khác	372.938.853		6.224.479.591	4.780.128.445	1.817.289.999	
- Phí nước thải công nghiệp phải nộp	-		3.000.000	3.000.000	-	
<b>Cộng</b>	<b>829.112.861</b>		<b>12.453.388.170</b>	<b>11.043.584.492</b>	<b>2.238.916.539</b>	
<b>Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b>						
- Thuế giá trị gia tăng	154.585.599		-	-	154.585.599	
- Thuế nhà đất	42.558.054		-	33.021.475	9.536.579	
<b>Cộng</b>	<b>197.143.653</b>		<b>-</b>	<b>33.021.475</b>	<b>164.122.178</b>	

**18. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG**

Công ty hiện đang tạm trích chi phí lương và phụ cấp cho HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và người lao động năm 2017 trên cơ sở quỹ lương kế hoạch do Công ty tự xây dựng. Số liệu quỹ lương chính thức sẽ được ghi nhận sau khi được quyết toán bởi tổ chuyên viên thẩm định chế độ tiền lương tính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Tại 31/12/2017	Tại 07/12/2016
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>7.662.305.228</b>	<b>18.939.550.324</b>
- Dự án Tiểu Cần - Cầu Quan	694.682.109	4.884.668.608
- Chi phí lãi vay	87.387.557	80.551.872
- Dự án NM Duyên Hải	5.656.152.255	13.237.231.316
- Dự án Trà Cú	668.783.594	-
- Trích trước chi phí khác	555.299.713	737.098.528
<b>b) Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>7.662.305.228</b>	<b>18.939.550.324</b>

**20. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Tại 31/12/2017	Tại 07/12/2016
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>22.001.303.020</b>	<b>40.414.827.511</b>
- Tài sản thừa chờ xử lý	109.777	1.711.167
- Kinh phí công đoàn	-	17.199.777
- BHXH, BHYT, BHTN	-	116.633.125
- Phải trả về cổ phần hóa	-	22.757.183.646
- Trợ cấp cho lao động dôi dư	-	287.534.012
- Tiền lãi phải trả cho nhà đầu tư mua cổ phần của công ty	-	294.469.145
- Phải trả vốn ngân sách Nhà nước	20.774.666.499	16.021.644.922
- Phải trả khác về cổ phần hóa	550.202.688	12.075.149
- Phí nước thải	-	149.905.874
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	676.324.056	756.470.694
<b>b) Dài hạn</b>	<b>195.110.299</b>	<b>86.621.679</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	195.110.299	86.621.679
<b>c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>22.196.413.319</b>	<b>40.501.449.190</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	Giá trị VND	Tại 31/12/2017 Số có khả năng trả nợ (VND)	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Giá trị VND	Tại 07/12/2016 Số có khả năng trả nợ (VND)
a) Vay ngắn hạn	16.740.000.000	16.740.000.000	18.640.000.000	10.940.000.000	9.040.000.000	9.040.000.000
- Quỹ đầu tư PT- DA Xứ lý CLNN	2.140.000.000	2.140.000.000	2.140.000.000	2.140.000.000	2.140.000.000	2.140.000.000
- Ngân hàng phát triển-DA TT Duyên Hải	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
- NH Phát triển - DA TT Tiểu Cần - Cầu Quan	3.800.000.000	3.800.000.000	5.700.000.000	3.800.000.000	1.900.000.000	1.900.000.000
- Quỹ đầu tư PT- DA Tiểu Cần- Cầu Quan, Duyên Hải	800.000.000	800.000.000	800.000.000	-	-	-
b) Vay dài hạn (Từ 05 năm trở xuống)	106.659.493.242	106.659.493.242	2.557.572.850	18.640.000.000	122.741.920.392	122.741.920.392
- Quỹ đầu tư PT- DA Xứ lý CLNN (1)	4.718.150.000	4.718.150.000	-	2.140.000.000	6.858.150.000	6.858.150.000
- Ngân hàng phát triển-DA TT Duyên Hải (2)	69.802.268.010	69.802.268.010	-	10.000.000.000	79.802.268.010	79.802.268.010
- NH Phát triển - DA TT Tiểu Cần - Cầu Quan (3)	30.381.502.382	30.381.502.382	-	5.700.000.000	36.081.502.382	36.081.502.382
- Quỹ đầu tư PT- DA Tiểu Cần- Cầu Quan, Duyên Hải (4)	1.757.572.850	1.757.572.850	2.557.572.850	800.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>123.399.493.242</b>	<b>123.399.493.242</b>	<b>21.197.572.850</b>	<b>29.580.000.000</b>	<b>131.781.920.392</b>	<b>131.781.920.392</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

- (1) Khoản vay từ Quỹ đầu tư phát triển Trà Vinh theo hợp đồng số 02/2013/HĐVV-QĐTPT ngày 09/05/2013 với hạn mức là 15.000.000.000 VND, thời hạn vay vốn 8 năm và lãi suất 12%/năm. Mục đích vay: Dùng để đầu tư xây dựng Công nghệ xử lý chất lượng nước ngầm.
- (2) Khoản vay vốn ODA từ Cơ quan phát triển Pháp (AFD) để đầu tư dự án nhà máy cấp nước Duyên Hải theo hợp đồng vay vốn ODA số 01/2012/HDODA-NHPTVN ngày 24/08/2012.
- (3) Khoản vay vốn ODA từ Cơ quan phát triển Pháp (AFD) theo hợp đồng số 20/2013/HDODA-NHPTVN ngày 26/08/2013 với hạn mức là 47.720.000.000 VND, thời hạn vay vốn 15 năm và lãi suất 0,3%/năm. Mục đích vay: Dùng để đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước đô thị Tiểu Cần – Cầu Quan.
- (4) Khoản vay từ Quỹ đầu tư phát triển Trà Vinh theo hợp đồng số 12/2017/HĐVV-QĐTPT ngày 26/08/2013 với hạn mức là 16.000.000.000 VND, thời hạn vay vốn 10 năm và lãi suất 6,5%/năm. Mục đích vay: Dùng để đầu tư xây dựng Nhà máy cấp nước thị trấn Duyên Hải (dự án lập lại) và Hệ thống cấp nước đô thị Tiểu Cần – Cầu Quan.

**22. QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI**

	Tại 31/12/2017 VND	Tại 07/12/2016 VND
Quỹ khen thưởng	424.155.903	3.084.499.868
Quỹ phúc lợi	335.642.354	1.611.950.701
Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty	-	269.129.224
<b>Cộng</b>	<b>759.798.257</b>	<b>4.965.579.793</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**23.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	Tại 31/12/2017		Tại 07/12/2016	
	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ	VND
- Ủy ban nhân dân Tỉnh Trà Vinh	82,34%	120.196.600.000	82,34%	120.196.600.000
- Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Đồng Bằng	10,00%	14.598.540.000	10,00%	14.598.540.000
- Công ty Cổ phần Rynan Technologies Vietnam	5,07%	7.401.460.000	5,07%	7.401.460.000
- Cổ đông nội bộ (HĐQT, BKS, Kế toán trưởng)	0,14%	198.000.000	0,14%	198.000.000
- Cổ đông trong công ty (Cán bộ công nhân viên)	1,67%	2.445.000.000	1,67%	2.445.000.000
- Tổ chức trong nước khác	0,03%	50.000.000	0,03%	50.000.000
- Cá nhân trong nước khác	0,75%	1.089.000.000	0,75%	1.089.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>145.978.600.000</b>	<b>100%</b>	<b>145.978.600.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**23.2 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Vốn khác của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND					
Tại 01/01/2016	105.149.395.961	-	4.843.163.108	-	36.518.901.622	147.184.080	146.658.644.771		
- Tăng vốn do nhận viện trợ	5.255.622.969	-	-	-	-	-	5.255.622.969		
- Điều chỉnh tăng theo hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp	40.166.926	-	-	2.425.142.516	-	-	2.465.309.442		
- Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	4.023.147.277	4.023.147.277		
- Vốn nhà nước cấp cho dự án (Vốn đối ứng ngân sách)	-	-	-	-	19.311.735.445	-	19.311.735.445		
- Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban điều hành 2016	-	-	-	-	-	(3.919.710.977)	(3.919.710.977)		
- Tăng giảm khác	(531.702.039)	-	-	-	-	12.275.149	(519.426.890)		
- Vốn đối ứng phải trả ngân sách	-	-	-	-	(15.561.110.580)	-	(15.561.110.580)		
- Kết chuyển nguồn vốn NN	42.104.753.210	-	(4.843.163.108)	(2.425.142.516)	(40.269.526.487)	(262.895.529)	(5.695.974.430)		
Tại 06/12/2016	152.018.237.027	-	-	-	-	-	152.018.237.027		
- Phân loại lại (*)	(6.039.637.027)	6.039.637.027	-	-	-	-	-		
Tại 07/12/2016	145.978.600.000	6.039.637.027	-	-	-	-	152.018.237.027		
- Tăng vốn do nhận viện trợ	-	1.574.764.075	-	-	-	-	1.574.764.075		
- Điều chỉnh theo quyết định của thanh tra	-	(54.866.928)	-	-	-	-	(54.866.928)		
- Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	10.200.632.590	10.200.632.590		
Tại 31/12/2017	145.978.600.000	7.559.534.174	-	-	-	10.200.632.590	163.738.766.764		

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**23.2 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

(\*) Theo Quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa số 2373/QĐ-UBND ngày 21/12/2015 và Quyết định điều chỉnh phương án cổ phần hóa số 1949/QĐ-UBND ngày 15/09/2016, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh (làm tròn) là 145.978.600.000 đồng. Theo Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2016 đến ngày 06/12/2016 của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh, vốn điều lệ tại ngày 06/12/2016 là 152.018.237.027 đồng, cao hơn 6.039.637.027 đồng so với Quyết định 2373/QĐ-UBND. Đây là giá trị các khoản nhận viện trợ và các khoản khác phát sinh sau thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty chưa nhận được phương án xử lý khoản chênh lệch nêu trên của các cơ quan quản lý có thẩm quyền. Do đó, Công ty đã phân loại các khoản này sang Vốn khác của chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 07/12/2016.

**23.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN**

	Từ 07/12/2016 đến 31/12/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 06/12/2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	145.978.600.000	105.149.395.961
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	47.400.543.105
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	(6.571.339.066)
- Vốn góp cuối kỳ	145.978.600.000	145.978.600.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**23.4 CỔ PHIẾU**

	Tại 31/12/2017 VND	Tại 07/12/2016 VND
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.597.860	14.597.860
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công - chúng	14.597.860	14.597.860
+ Cổ phiếu phổ thông	14.597.860	14.597.860
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.597.860	14.597.860
+ Cổ phiếu phổ thông	14.597.860	14.597.860
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**Tài sản nhận giữ hộ bao gồm:**

- Giá trị còn lại Đài nước 500m<sup>3</sup> phần xây dựng và phần công nghệ: 2.953.992.048 đồng, và đường nội bộ: 93.180.643 đồng. Tuy nhiên hai tài sản này Chi nhánh Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam tại Tp Hồ Chí Minh không tiếp nhận theo biên bản bàn giao trên sổ sách các khoản nợ và tài sản loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh ngày 22/05/2017.

**25. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 07/12/2016 đến 31/12/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 06/12/2016 VND
<b>a) Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
- Doanh thu sản xuất và cung cấp nước máy	81.032.223.468	55.542.188.413
- Doanh thu thoát nước via hè	4.571.153.000	4.697.781.000
- Doanh thu bán vật liệu ngành nước	198.299.384	287.327.601
- Doanh thu xây lắp	1.550.716.581	1.488.142.026
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	304.257.687	224.543.105
<b>Cộng</b>	<b>87.656.650.120</b>	<b>62.239.982.145</b>
<b>b) Doanh thu với các bên liên quan</b>	-	-

**26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 07/12/2016 đến 31/12/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 06/12/2016 VND
Giá vốn sản xuất và cung cấp nước máy	47.324.383.428	37.669.831.328
Giá vốn thoát nước via hè	2.348.647.698	2.139.678.631
Giá vốn bán vật liệu ngành nước	142.412.754	167.993.678
Giá vốn xây lắp	1.374.858.274	1.270.432.561
Giá vốn cung cấp dịch vụ	138.490.407	80.680.612
<b>Cộng</b>	<b>51.328.792.561</b>	<b>41.328.616.810</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 07/12/2016 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 06/12/2016
	VND	VND
Thu lãi tiền gửi, cho vay	31.877.128	69.697.736
Cổ tức, lợi nhuận được chia	300.000.000	719.048.008
<b>Cộng</b>	<b>331.877.128</b>	<b>788.745.744</b>

**28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 07/12/2016 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 06/12/2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.103.385.988	1.466.075.385
<b>Cộng</b>	<b>1.103.385.988</b>	<b>1.466.075.385</b>

**29. CHI PHÍ BÁN HÀNG, QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 07/12/2016 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 06/12/2016
	VND	VND
<b>a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>13.031.378.794</b>	<b>9.553.265.319</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	7.821.528.577	5.606.139.839
- Chi phí vật liệu, bao bì	349.969.969	242.201.722
- Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	280.576.361	29.576.728
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	522.248.753	322.045.950
- Thuế phí, lệ phí	31.311.546	29.997.958
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	897.735.416	259.875
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	619.555.188	715.403.204
- Chi phí bằng tiền khác	2.508.452.984	2.607.640.043
<b>b. Các khoản chi phí bán hàng</b>	<b>9.814.649.926</b>	<b>5.787.672.688</b>
- Chi phí nhân viên	3.755.267.100	3.281.463.452
- Chi phí vật liệu, bao bì	18.349.164	16.267.199
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	5.333.068.065	1.991.619.479
- Chi phí khấu hao TSCĐ	274.095.155	212.558.435
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	166.061.537	97.473.444
- Chi phí bằng tiền khác	267.808.905	188.290.679
<b>c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	-	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**30. THU NHẬP KHÁC**

	Từ 07/12/2016 đến 31/12/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 06/12/2016 VND
Lắp đặt thủy lượng kế, khảo sát vận chuyên	162.435.954	93.756.199
Cho thuê văn phòng làm việc	21.818.180	21.818.180
Thu nhập khác	13.759.714	28.158.564
<b>Cộng</b>	<b>198.013.848</b>	<b>143.732.943</b>

**31. CHI PHÍ KHÁC**

	Từ 07/12/2016 đến 31/12/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 06/12/2016 VND
Chi phí thanh lý TSCĐ	-	4.272.269
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ thanh lý	-	23.015.464
Khoản phạt về vi phạm hành chính	30.000.000	-
Khoản phạt chậm nộp phí bảo vệ môi trường	89.058.396	-
Chi phí khác	15.142.656	87.184.941
<b>Cộng</b>	<b>134.201.052</b>	<b>114.472.674</b>

**32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 07/12/2016 đến 31/12/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 06/12/2016 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>12.774.132.775</b>	<b>4.922.357.956</b>
Điều chỉnh tăng các khoản thu nhập chịu thuế	393.368.152	292.743.447
- Các khoản chi phí không hợp lý	393.368.152	292.743.447
Điều chỉnh giảm các khoản thu nhập chịu thuế	(300.000.000)	(719.048.008)
- Cổ tức lợi nhuận được chia	(300.000.000)	(719.048.008)
<b>Tổng thu nhập chịu thuế trong năm</b>	<b>12.867.500.927</b>	<b>4.496.053.395</b>
Thuế suất	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.573.500.185	899.210.679
<b>Tổng chi phí thuế TNDN</b>	<b>2.573.500.185</b>	<b>899.210.679</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ 07/12/2016 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 06/12/2016
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	10.200.632.590	-
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	14.597.860	-
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP) (*)</b>	<b>699</b>	<b>-</b>

(\*) Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH Một thành viên đến 06/12/2016, do đó, Công ty không tính toán chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn từ 01/01/2016 đến 06/12/2016.

**34. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ 07/12/2016 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 06/12/2016
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	10.200.632.590	-
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	14.597.860	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm (CP)	-	-
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP) (*)</b>	<b>699</b>	<b>-</b>

(\*) Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH Một thành viên đến 06/12/2016, do đó, Công ty không tính toán chỉ tiêu lãi suy giảm trên cổ phiếu cho giai đoạn từ 01/06/2016 đến 06/12/2016.

**35. CHI PHÍ THEO YẾU TỐ**

	Từ 07/12/2016 đến 31/12/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 06/12/2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu	21.605.010.135	14.136.211.355
Chi phí nhân công	25.094.111.517	20.792.401.523
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.365.221.575	14.590.944.295
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.643.681.060	1.717.435.831
Chi phí bằng tiền khác	7.466.796.994	5.432.561.813
<b>Cộng</b>	<b>74.174.821.281</b>	<b>56.669.554.817</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**36. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhiệm vụ công tác quản lý, Công ty tổ chức theo dõi các bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực kinh doanh bao gồm: sản xuất và cung cấp nước máy, thoát nước vỉa hè, xây lắp và các hoạt động khác. Kết quả kinh doanh được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho Ban điều hành ra các quyết định phân bổ nguồn lực và các chiến lược kinh doanh. Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Báo cáo chính yếu.

Công ty hoạt động trong môi trường kinh tế, không có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt đáng kể nên không trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh:

	Doanh thu sản xuất và cung cấp nước máy VND	Doanh thu thoát nước vỉa hè VND	Doanh thu xây lắp VND	Doanh thu bán vật liệu chuyên ngành VND	Doanh thu cung cấp dịch vụ VND	Cộng VND
Từ ngày 07/12/2016 đến ngày 31/12/2017						
Doanh thu thuần từ bán hàng	81.032.223.468	4.571.153.000	1.550.716.581	198.299.384	304.257.687	87.656.650.120
Chi phí bộ phận	(47.324.383.428)	(2.348.647.698)	(1.374.858.274)	(142.412.754)	(138.490.407)	(51.328.792.561)
Trong đó: Chi phí khấu hao và chi phí phân bổ trả trước theo bộ phận	18.560.139.526	249.670.396	289.341.162	-	-	19.099.151.084
<b>Kết quả kinh doanh theo bộ phận</b>	<b>33.707.840.040</b>	<b>2.222.505.302</b>	<b>175.858.307</b>	<b>55.886.630</b>	<b>165.767.280</b>	<b>36.327.857.559</b>
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	(22.846.028.720)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	-	-	-	-	-	<b>13.481.828.839</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	331.877.128
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	(1.103.385.988)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	198.013.848
Chi phí khác	-	-	-	-	-	(134.201.052)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện	-	-	-	-	-	(2.573.500.185)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	-	-	-	-	-	<b>10.200.632.590</b>
Tổng tài sản	-	-	-	-	-	<b>330.220.965.696</b>
Tổng nợ phải trả	-	-	-	-	-	<b>166.482.198.932</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**QUẢN LÝ RỦI RO VỐN**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc chủ sở hữu Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.14.

**CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 210”) yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Tuy nhiên, Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính, cũng như không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Do đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

	Giá trị ghi sổ	
	Tại 31/12/2017 VND	Tại 07/12/2016 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.963.426.489	37.577.722.756
Phải thu khách hàng và phải thu khác	9.422.384.239	8.574.846.832
<b>Cộng</b>	<b>14.385.810.728</b>	<b>46.152.569.588</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	123.399.493.242	131.781.920.392
Phải trả người bán và phải trả khác	3.646.751.446	2.685.661.525
Chi phí phải trả	7.662.305.228	18.939.550.324
<b>Cộng</b>	<b>134.708.549.916</b>	<b>153.407.132.241</b>

**TÀI SẢN ĐẢM BẢO**

**Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Công ty không sử dụng tài sản tài chính để thế chấp tại đơn vị khác vào ngày 31/12/2017.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)****Tài sản nhận thế chấp của các đơn vị khác**

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31/12/2017.

**MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**RỦI RO THỊ TRƯỜNG**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty ít thực hiện các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty ít chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

**Rủi ro về giá**

Công ty mua nguyên liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó, Công ty chịu rủi ro về giá nếu yếu tố giá đầu vào của các dịch vụ, hàng hóa được cung cấp biến động. Công ty chưa thực hiện biện pháp phòng ngừa rủi ro do thị trường mua các công cụ tài chính này chưa phổ biến.

**RỦI RO TÍN DỤNG**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)**

Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Nợ phải trả tài chính	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng VND
<b>Tại 31/12/2017</b>				
Vay và nợ thuê tài chính	16.740.000.000	106.659.493.242	-	123.399.493.242
Phải trả người bán	2.775.207.314	-	-	2.775.207.314
Phải trả khác	676.433.833	195.110.299	-	871.544.132
Chi phí phải trả	7.662.305.228	-	-	7.662.305.228
<b>Cộng</b>	<b>27.853.946.375</b>	<b>106.854.603.541</b>	<b>-</b>	<b>134.708.549.916</b>
<b>Tại 07/12/2016</b>				
Vay và nợ thuê tài chính	9.040.000.000	122.741.920.392	-	131.781.920.392
Phải trả người bán	2.230.790.817	-	-	2.230.790.817
Phải trả khác	368.249.029	86.621.679	-	454.870.708
Chi phí phải trả	18.939.550.324	-	-	18.939.550.324
<b>Cộng</b>	<b>30.578.590.170</b>	<b>122.828.542.071</b>	<b>-</b>	<b>153.407.132.241</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)**

Tài sản tài chính	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng VND
<b>Tại 31/12/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.963.426.489	-	-	4.963.426.489
Phải thu khách hàng, phải thu khác	9.422.384.239	-	-	9.422.384.239
<b>Cộng</b>	<b>14.385.810.728</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>14.385.810.728</b>
<b>Tại 07/12/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.577.722.756	-	-	37.577.722.756
Phải thu khách hàng, phải thu khác	8.574.846.832	-	-	8.574.846.832
<b>Cộng</b>	<b>46.152.569.588</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>46.152.569.588</b>

**38. THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN**

<i>Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, thù lao HDQT, Ban kiểm soát</i>	Từ 07/12/2016 đến 31/12/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 06/12/2016 VND
Lương và phụ cấp của Ban Tổng Giám đốc, thù lao HDQT	1.532.228.914	1.115.111.507
Lương và phụ cấp của Ban kiểm soát	278.421.400	-

**39. THÔNG TIN KHÁC**

**39.1. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

**39.2. THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**40. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến 06/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến 06/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại như được nêu tại mục 22.1 của Thuyết minh Báo cáo tài chính, cụ thể như sau:

Khoản mục	Mã số	Số dư tại	Phân loại lại	Số dư tại
		06/12/2016 Đã được kiểm toán		07/12/2016 Sau phân loại lại
		VND	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu	411	152.018.237.027	6.039.637.027	145.978.600.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414	-	(6.039.637.027)	6.039.637.027



*Nguyễn Văn Quý*  
**Nguyễn Văn Quý**  
 Phó Tổng Giám Đốc  
 Trà Vinh, ngày 29 tháng 03 năm 2017

*Đào Thiện Duyên*  
**Đào Thiện Duyên**  
 Kế toán trưởng

*Lê Thị Thùy Trang*  
**Lê Thị Thùy Trang**  
 Người lập biểu



# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH**



Trà Vinh, ngày 19 tháng 04 năm 2018

**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**NGUYỄN VĂN QUÝ**